

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

---

NGUYỄN CÔNG VANG

**KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN  
TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO  
PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC  
TIỄN THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2017**

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

---

NGUYỄN CÔNG VANG

**KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN  
TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO  
PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC  
TIỄN THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**Chuyên ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự**

**Mã số: 60.38.01.04**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

**GS.TS. Võ Khánh Vinh**

**HÀ NỘI – 2017**

## **LỜI CAM ĐOAN**

**Tôi: Nguyễn Công Vang**

Học viên Cao học - Khóa VI.1 (2015 – 2017)

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, dữ liệu và một số kiến thức của các tác giả khác trong luận văn này được sử dụng trung thực, có đầy đủ nguồn dữ liệu đáng tin cậy theo quy định của một công trình khoa học. Kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố tại bất kỳ công trình khoa học nào.

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>01</b>
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ</b> .....	<b>09</b>
1.1. Khái quát về các biện pháp ngăn chặn .....	09
1.2. Khái niệm, đặc điểm, nội dung kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự .....	16
<b>Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC</b> .....	<b>39</b>
2.1. Quy định của pháp luật Tổ tụng hình sự về kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự .....	39
2.2. Thực trạng áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự tại thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước .....	42
2.3. Thực tiễn kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự tại thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước .....	53
2.4. Đánh giá thực tiễn kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự tại thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước .....	57
<b>Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ</b> .....	<b>63</b>
3.1. Hoàn thiện pháp luật tổ tụng hình sự về các biện pháp ngăn chặn .....	63
3.2. Hoàn thiện tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân .....	65
3.3. Nâng cao năng lực của cán bộ .....	66
3.4. Các giải pháp khác .....	67
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>71</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>74</b>

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	:	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	:	Bộ luật tố tụng hình sự
BVPL	:	Bảo vệ pháp luật
CCTP	:	Cải cách tư pháp
CQCSĐT	:	Cơ quan Cảnh sát điều tra
CQĐT	:	Cơ quan điều tra
HP	:	Hiến pháp
KSV	:	Kiểm sát viên
KSND	:	Kiểm sát nhân dân
KSNDTC	:	Kiểm sát nhân dân tối cao
KSQS	:	Kiểm sát quân sự
PL	:	Pháp luật
TA	:	Tòa án
TAND	:	Tòa án nhân dân
TAQS	:	Tòa án quân sự
VKS	:	Viện kiểm sát
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

**1. Bảng 2.1:** Số người bị bắt trên địa bàn thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước từ tháng 12 năm 2011 đến tháng 6 năm 2016

**2. Bảng 2.2:** Số người bị tạm giữ trên địa bàn thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước từ tháng 12 năm 2011 đến tháng 6 năm 2016

**3. Bảng 2.3:** Số người bị tạm giam trên địa bàn thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước từ tháng 12 năm 2011 đến tháng 6 năm 2016

**4. Bảng 2.4:** Số người bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú trên địa bàn thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước từ tháng 12 năm 2011 đến tháng 6 năm 2016

**5. Bảng 2.5:** Số người bị áp dụng biện pháp bảo lãnh trên địa bàn thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước từ tháng 12 năm 2011 đến tháng 6 năm 2016

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Các biện pháp ngăn chặn là một chế định pháp lý quan trọng trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Việc quy định và áp dụng đúng đắn các biện pháp ngăn chặn là sự đảm bảo cho quá trình phát hiện nhanh chóng, chính xác, xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không cho người phạm tội tiếp tục có điều kiện thực hiện hành vi phạm tội, trốn tránh pháp luật hoặc cản trở đến quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

Các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự là những biện pháp can thiệp nghiêm trọng tới các quyền cơ bản của công dân như: quyền xâm phạm về thân thể, quyền tự do cá nhân, ... Vì vậy việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự là một vấn đề rất quan trọng, nó không chỉ liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa mà còn liên quan đến các quyền cơ bản của công dân được pháp luật bảo vệ, liên quan đến trách nhiệm bồi thường trong các trường hợp oan sai. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn do các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng diễn ra một chiều, không phụ thuộc vào ý chí của bên bị áp dụng, mà chỉ cần có những căn cứ, điều kiện theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong tất cả các giai đoạn tố tụng nói chung và kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Cơ quan điều tra nói riêng là hoạt động kiểm sát nằm trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án hình sự nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân trong hoạt động áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra, người có thẩm quyền theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nhằm đảm bảo các quyết định của cơ quan

điều tra có căn cứ, cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn.

Thực tế cho thấy, trong những năm qua hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn được quy định trong Bộ luật TTHS đã góp phần rất lớn trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, đặc biệt là các biện pháp ngăn chặn là bắt, tạm giữ, tạm giam. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng không ít các trường hợp việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn một cách tràn lan, tùy tiện, lạm dụng việc bắt, tạm giữ, tạm giam thiếu căn cứ, thiếu điều kiện cần thiết để áp dụng nhưng hoạt động kiểm sát đã không kiên quyết, triệt để dẫn đến một số trường hợp áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra của cơ quan điều tra không có căn cứ, xâm phạm nghiêm trọng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Thực trạng này không chỉ có trách nhiệm của Cơ quan điều tra mà có cả trách nhiệm của Viện KSND, đặc biệt trách nhiệm chính là của Viện KSND trong áp dụng một số biện pháp ngăn chặn là bắt, tạm giữ, tạm giam trong giai đoạn điều tra.

Thực hiện tốt công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra của Cơ quan điều tra góp phần tránh oan, sai và nâng cao hiệu quả hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài: *“Kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước”* là cần thiết, để từ đó xem xét, đánh giá đúng thực trạng của hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra của Cơ quan điều tra hiện nay, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác kiểm sát trên thực tế.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Nghiên cứu và hướng dẫn về việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự và công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn



chặn nói chung và trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng đã có những tài liệu biên soạn chính thống được áp dụng trong giáo dục, giảng dạy ở các trường Đại học, Cao đẳng và vận dụng trong thực tiễn như:

*Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự* do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên(NXB Công an nhân dân năm 2004), Giáo trình *Luật tố tụng hình sự Việt Nam* do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên(NXB Công an nhân dân năm 2008), *Những điều cần biết về bắt người, tạm giữ, tạm giam... đúng pháp luật* của tác giả Phạm Thanh Bình- Nguyễn Vạn Nguyên(NXB Pháp lý 1990), Giáo trình: *Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự* của Học viện tư pháp(NXB Lao động – 2014); Chỉ thị 06 ngày 06/12/2013 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về: “*Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm*”; Thông tư liên tịch số: 17 ngày 14/11/2013 của liên ngành trung ương hướng dẫn về biện pháp “*Đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm*”; Thông tư liên tịch số: 01 ngày 17/2/2014 của liên ngành trung ương về “*kiểm sát bắt, giữ hình sự tại các Đơn biên phòng*”; Quy chế số: 35 ban hành kèm theo Quyết định số: 35 ngày 29/01/2013 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về “*Công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù*”; Các tài liệu tập huấn về công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam của ngành kiểm sát,....

Ngoài ra cũng có một số bài viết trên sách báo, tạp chí như: “*Một số vấn đề lý luận về biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự*”, của tiến sỹ Trần Quang Tiệp đăng trên Tạp chí kiểm sát số 07(4-2005); “*Hoàn thiện các quy định về các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp*” của tác giả Phạm Mạnh Hùng- Viện kiểm sát nhân dân tối cao(Tạp chí kiểm sát số: 21 năm 2007); Bài viết: “*Nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc bắt bị can để tạm giam trong quá trình điều tra vụ án hình sự*”, của tác giả Nguyễn Văn Sang đăng trên Tạp chí kiểm sát số 11(tháng 6/2008),

*“Hoàn thiện các quy định của Bộ luật TTHS về biện pháp tạm giam”* của Phó giáo sư, Tiến sỹ Trần Văn Độ đăng trên tạp chí kiểm sát số 21(tháng 11/2012),...

Các bài viết này mới chỉ khai thác ở những khía cạnh nhất định liên quan đến việc áp dụng toàn bộ hoặc một số các biện pháp ngăn chặn theo pháp luật tố tụng hình sự, vai trò của Viện KSND trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, mà chưa đề cập đến chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án hình sự, trong đó có hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra.

Tình hình nghiên cứu trên cho thấy vấn đề: *“Kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam”* nói chung và của thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước nói riêng cần được nghiên cứu để từ đó xem xét, đánh giá đúng thực trạng của hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra của Cơ quan điều tra hiện nay, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác kiểm sát trên thực tế.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, trong đó tập trung làm rõ khái niệm, các biện pháp ngăn chặn được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự, căn cứ kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Cơ quan điều tra.

- Phân tích, đánh giá thực trạng của hoạt động áp dụng và kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trên địa bàn thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011- 2016. Kết quả đạt

được và tồn tại, hạn chế của công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

- Đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện tốt hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trong thời gian tới, nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

### ***3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

Trên cơ sở luận giải những vấn đề cơ sở lý luận về hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự và cơ sở pháp lý được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự và thực trạng của hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trên địa bàn thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2016 để từ đó đề xuất các giải pháp bảo đảm kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### ***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận về các biện pháp ngăn chặn, căn cứ, thẩm quyền áp dụng và hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Cơ quan điều tra đã được pháp luật quy định và thực tiễn Viện KSND kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

### ***4.2. Phạm vi nghiên cứu***

Luận văn tập trung nghiên cứu, phân tích những vấn đề lý luận về các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự; căn cứ, chủ thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn; vấn đề kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự;

Quy định của pháp luật và thực trạng áp dụng và kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trên địa bàn thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011- 2016, trong đó có viện dẫn nội dung một số trường hợp áp dụng biện pháp ngăn chặn tại địa phương để làm nổi bật thêm những luận giải đã nêu trong luận văn nhằm tìm ra những vấn đề còn tồn tại, bất cập; nguyên nhân của những bất cập, tồn tại để từ đó đưa ra những giải pháp khắc phục những hạn chế, tồn tại.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### ***5.1. Phương pháp luận nghiên cứu***

Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật; Các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về áp dụng pháp luật, tăng cường pháp chế trong đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; phát huy dân chủ, công khai, minh bạch đối với hoạt động của các cơ quan công quyền trong đó có hoạt động của cơ quan tư pháp, đặc biệt là quan điểm chỉ đạo của Đảng về cải cách tư pháp được thể hiện trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị.

### ***5.2. Phương pháp nghiên cứu***

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản sau:

- Phương pháp phân tích, tổng hợp được tác giả sử dụng để phân tích khái quát các vấn đề lý luận cũng như đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp nhằm thực hiện tốt hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra.

- Phương pháp kết hợp lý luận với thực tiễn, xem xét vấn đề nghiên cứu trong mối liên hệ giữa lý luận với thực tiễn, các quy định của pháp luật trong hoạt động áp dụng và kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

- Phương pháp lịch sử đòi hỏi nghiên cứu hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra phải đặt trong bối cảnh lịch sử cụ thể. Thực trạng của hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra chỉ được xem xét một cách toàn diện, đầy đủ khi đặt chúng trong một hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

- Phương pháp thống kê: được sử dụng khi đánh giá thực trạng hoạt động áp dụng và kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

### **6.1. Ý nghĩa lý luận của luận văn**

- Luận văn là công trình đầu tiên nghiên cứu về hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Luận văn góp phần nghiên cứu những vấn đề lý luận về các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự; căn cứ, thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn; hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

- Luận văn xây dựng được khái niệm, nội dung của hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Đề xuất nhóm các giải pháp bảo đảm cho hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, góp phần làm phong phú thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực này.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận văn**

- Luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập trong các Trường Đại học.

- Kết quả nghiên cứu luận văn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho các Điều tra viên, Kiểm sát viên trong Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, nhất là những Kiểm sát viên trực tiếp làm công tác kiểm sát việc áp dụng các

biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự để nâng cao trình độ lý luận và thao tác chuyên môn.

### **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo; nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Những vấn đề lý luận về kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

*Chương 2:* Quy định của pháp luật và thực trạng kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trên tại thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

*Chương 3:* Các giải pháp bảo đảm kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ

### 1.1. Khái quát về các biện pháp ngăn chặn

Trong sách báo pháp lý nước ta có nhiều quan điểm đưa ra những khái niệm khác nhau về biện pháp ngăn chặn.

Theo giải thích trong từ điển nghiệp vụ phổ thông thì ngăn chặn trong đấu tranh phòng chống tội phạm là biện pháp chủ động đối phó kịp thời không để cho bọn phản cách mạng và bọn phạm tội khác thực hiện âm mưu phạm tội của chúng.

Đến nay, đã có khá nhiều ý kiến về biện pháp ngăn chặn, nhưng nổi lên một số loại ý kiến như sau:

*Loại ý kiến thứ nhất:* “Biện pháp ngăn chặn là biện pháp có tính chất cưỡng chế do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhằm phòng ngừa, ngăn chặn hành vi cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc thi hành án, bảo đảm thực hiện đúng đắn các nhiệm vụ của tố tụng hình sự” [ 26, Tr.37]. Theo đó các biện pháp ngăn chặn là các biện pháp có tính cưỡng chế đối với người phạm tội, nhằm ngăn ngừa các hành vi gây khó khăn, trở ngại cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; tuy nhiên, ý kiến này chưa nêu đủ các đối tượng và cơ quan có thẩm quyền áp dụng cũng như mục đích áp dụng.

*Loại ý kiến thứ hai:* “ Những biện pháp ngăn chặn được quy định trong hoạt động tố tụng hình sự là những biện pháp do luật định được thực hiện khi xét thấy cần thiết nhằm ngăn chặn người phạm tội đang có hành vi thực hiện tội phạm hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm, loại trừ việc bị can, bị cáo gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử và ngăn ngừa bị can, bị cáo, người bị kết án trốn tránh để bảo đảm cho việc thi hành án được thực hiện”[27, Tr.98]. Loại ý kiến này đã nêu rõ được mục đích và sự cần thiết của các biện pháp ngăn chặn, nhằm phân biệt với các biện pháp cưỡng chế khác như: khám xét

người, dẫn giải người làm chứng, kê biên tài sản,... Tuy nhiên cũng chưa nêu rõ chủ thể nào có quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn.

*Loại ý kiến thứ ba:* “Biện pháp ngăn chặn là một loại biện pháp cưỡng chế do CQĐT, VKS, TA áp dụng đối với người bị tình nghi phạm tội, đối với bị can, bị cáo và cả với người bị án khi các cơ quan này có căn cứ cho rằng những người này sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hoặc sẽ tiếp tục phạm tội” [54, Tr.502-503]. So với các ý kiến trên, loại ý kiến này đã tiếp cận đầy đủ hơn nội dung của các biện pháp ngăn chặn, nêu rõ được các cơ quan có thẩm quyền áp dụng, đối tượng và căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn. Tuy nhiên chưa nêu đầy đủ về các chủ thể có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn do pháp luật quy định.

Ngoài ra cũng còn một số quan điểm cho rằng biện pháp ngăn chặn được hiểu là những biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự được áp dụng đối với bị can, bị cáo hoặc đối với người chưa bị khởi tố nhằm ngăn chặn những hành vi nguy hiểm cho xã hội của họ, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội, trốn tránh pháp luật hoặc có hành động gây cản trở cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

Nhìn chung, các quan điểm trên đã nêu lên được một số khía cạnh về khái niệm biện pháp ngăn chặn, nhưng chưa đưa ra được khái niệm đầy đủ, khoa học chứa đựng được tất cả các đặc điểm của biện pháp ngăn chặn. Do vậy để có cơ sở cho việc đưa ra khái niệm chính xác biện pháp ngăn chặn cần phải tìm hiểu các dấu hiệu đặc trưng của nó và thể hiện ở nội dung, căn cứ, mục đích áp dụng, người có thẩm quyền áp dụng và đối tượng có thể bị áp dụng biện pháp ngăn chặn. Khái niệm biện pháp ngăn chặn phải bao hàm các dấu hiệu đó.

### ***1.1.1. Căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn***

Các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án do Cơ quan điều tra có thể áp dụng trong suốt quá trình điều tra vụ án.

Đối với một số biện pháp ngăn chặn được áp dụng trước giai đoạn điều tra hoặc để phục vụ cho công tác điều tra ban đầu thì ngoài những người có



thẩm quyền trong cơ quan điều tra áp dụng còn có một số người không thuộc cơ quan điều tra áp dụng như: Người chỉ huy đơn vị quân đội độc lập cấp trung đoàn và tương đương; Người chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo và biên giới; Người chỉ huy tàu bay, tàu biển, khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng(Điều 81 Bộ luật TTHS năm 2003) và bổ sung thêm những người có thẩm quyền sau: Đồn trưởng Đồn biên phòng, Chỉ huy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Cục trưởng Cục trinh sát biên phòng Bộ đội biên phòng, Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng; Tư lệnh vùng lực lượng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục nghiệp vụ và pháp luật lực lượng Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy lực lượng Cảnh sát biển; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng(Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015). Và trong trường hợp phạm tội quả tang, người trốn truy nã thì người nào cũng có thẩm quyền áp dụng.

Căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn là những cơ sở pháp lý do Bộ luật TTHS quy định cho phép người có thẩm quyền áp dụng lần đầu tiên đối với bị can và trong một số trường hợp đối với người chưa bị khởi tố bị can một trong những biện pháp ngăn chặn được quy định trong Bộ luật TTHS.

Theo Điều 79 Bộ luật TTHS quy định: Để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ bị can sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc tiếp tục phạm tội, cũng như cần bảo đảm thi hành án, Cơ quanĐT, VKS, TA trong phạm vi thẩm quyền tố tụng của mình có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật này có thể áp dụng một trong những biện pháp ngăn chặn sau đây: Bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm[29].

Bộ luật TTHS năm 2015 bổ sung thêm hai biện pháp ngăn chặn là: Giữ người trong trường hợp khẩn cấp và Tạm hoãn xuất cảnh

Theo điều luật trên thì căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn bao gồm các căn cứ sau:

#### *1.1.1.1. Khi cần phải kịp thời ngăn chặn tội phạm*

Kịp thời ngăn chặn tội phạm là ngăn ngừa không cho tội phạm đang được chuẩn bị xảy ra hoặc không cho tội phạm đang được thực hiện tiếp tục thực hiện. Do vậy căn cứ này thường được áp dụng đối với người chưa bị khởi tố bị can trong những trường hợp sau:

- Khi có căn cứ cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng, hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tức là người đó tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên 07 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

- Khi một người đang thực hiện một tội phạm, tức là hành vi phạm tội của người đó đã bắt đầu được thực hiện nhưng chưa kết thúc. Ngăn chặn tội phạm trong trường hợp này là để ngăn cản không cho người phạm tội thực hiện đến cùng hành vi phạm tội của mình.

#### *1.1.1.2. Khi có căn cứ chứng tỏ bị can sẽ gây khó khăn cho hoạt động điều tra*

Kịp thời bắt giữ người phạm tội có ý nghĩa rất lớn đối với việc điều tra làm rõ sự thật của vụ án. Nếu không kịp thời bắt giữ, người phạm tội có thể trốn, tiêu hủy, thay đổi chứng cứ vụ án, xóa bỏ các dấu vết của vụ án,... và việc xác định sự thật của vụ án sẽ khó khăn phức tạp.

Căn cứ này có thể áp dụng trước khi khởi tố vụ án, hay trong giai đoạn điều tra. Do vậy đối tượng áp dụng khá rộng, bao gồm:

*Thứ nhất*, khi chưa khởi tố bị can thì đây là căn cứ để giữ và bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 81 Bộ luật TTHS năm 2003(Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015)

- Khi người cùng thực hiện tội phạm(Bộ luật TTHS 2015) bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn.

- Khi thấy có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở, hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ. Căn cứ này cũng vận dụng để áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với những người “ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện hoặc đuổi bắt”, cũng như người đang bị truy nã.

*Thứ hai*, Sau khi khởi tố bị can, trong giai đoạn điều tra có thể áp dụng căn cứ này để tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, cho bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, Tạm hoãn xuất cảnh.

Điều luật quy định là phải có “*căn cứ chứng minh*” việc áp dụng biện pháp ngăn chặn là cần thiết.

#### *1.1.1.3. Khi có căn cứ chứng tỏ bị can sẽ tiếp tục phạm tội*

Đây là một trong những căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị can khi có căn cứ chứng tỏ bị can sẽ tiếp tục phạm tội, nếu để họ tự do ngoài xã hội.

Những căn cứ chứng tỏ bị can sẽ tiếp tục phạm tội có thể là:

- Bị can là những người tái phạm, tái phạm nguy hiểm, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, những tên côn đồ coi thường pháp luật;

- Bị can có hành vi đe dọa trả thù những người biết rõ sự thật của vụ án.

Khi áp dụng căn cứ này cần lưu ý tới khả năng thực hiện sự đe dọa đó của bị can.

#### *1.1.2. Mục đích của việc áp dụng biện pháp ngăn chặn*

Theo quy định tại Điều 79 Bộ luật TTHS năm 2003 (*Điều 109 BLTTHS 2015*) thì các biện pháp ngăn chặn được áp dụng nhằm kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc bảo đảm cho công tác điều tra vụ án hình sự. Như vậy, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn nhằm các mục đích sau đây:

##### *1.1.2.1. Ngăn ngừa tội phạm, bao gồm:*

- Ngăn chặn không cho tội phạm đang được chuẩn bị xảy ra;

- Ngăn chặn không cho hành vi phạm tội đang được thực hiện tiếp tục tiếp diễn;

- Ngăn ngừa người phạm tội có thể thực hiện tội phạm mới như trường hợp bắt giữ người phạm tội đang đe dọa trả thù những người biết về sự việc phạm tội của họ, nhằm mục đích ngăn không để cho người đó phạm tội mới với hành vi trả thù.

#### *1.1.2.2. Đảm bảo cho công tác điều tra*

Các biện pháp ngăn chặn được áp dụng bảo đảm các điều kiện pháp lý cho hoạt động điều tra theo đúng các quy định của pháp luật (bảo đảm sự có mặt của bị can trong hoạt động tố tụng khi cần thiết). Cũng như bảo đảm tính chính xác, khách quan của hoạt động tố tụng (bảo đảm bí mật điều tra, không cho bị can, bị cáo có điều kiện thông cung),...

Tóm lại, mục đích của biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là ngăn chặn tội phạm và bảo đảm cho công tác điều tra như Điều 79 Bộ luật TTHS đã quy định.

#### **1.1.3. Cơ quan và người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn**

##### *1.1.3.1. Cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn*

Theo quy định tại Điều 79 Bộ luật TTHS năm 2003 (*Điều 109 Bộ luật TTHS năm 2015*) quy định trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự: Để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ bị can sẽ gây khó khăn cho việc điều tra hoặc sẽ tiếp tục phạm tội, Cơ quan điều tra trong phạm vi thẩm quyền tố tụng của mình hoặc người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật này (Bộ luật TTHS) có thể áp dụng một trong những biện pháp ngăn chặn sau đây: Giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Bắt, Tạm giữ, Tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm và Tạm hoãn xuất cảnh.

##### *1.1.3.2. Người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn*

Theo quy định của Bộ luật TTHS thì trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan điều tra các cấp có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn và quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn của những người này phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát cùng cấp trước khi thi hành, trừ các biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang, bắt người bị truy nã, tạm giữ, cấm đi khỏi nơi cư trú và

tạm hoãn xuất cảnh. trong một số trường hợp khi tiến hành một số hoạt động điều tra ban đầu, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, không chỉ có những người có thẩm quyền trong các cơ quan điều tra mà có thể những người thuộc các cơ quan quản lý Nhà nước như: Người chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo và biên giới; Người chỉ huy tàu bay, tàu biển, khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng(Điều 81 Bộ luật TTHS năm 2003) và bổ sung thêm những người có thẩm quyền sau: Đồn trưởng Đồn biên phòng, Chỉ huy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Cục trưởng Cục trinh sát biên phòng Bộ đội biên phòng, Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng; Tư lệnh vùng lực lượng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục nghiệp vụ và pháp luật lực lượng Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy lực lượng Cảnh sát biển; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng(Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015). Và trong trường hợp phạm tội quá tang, người trốn truy nã thì người nào cũng có thẩm quyền áp dụng.

Như vậy Bộ luật TTHS quy định chỉ có cơ quan điều tra có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Tuy nhiên trong giai đoạn tiền khởi tố hay nói cách khác là trong giai đoạn khi phát hiện tội phạm để phục vụ cho công tác điều tra hay giai đoạn điều tra ban đầu, người có thẩm quyền áp dụng thì rộng hơn, không những người có thẩm quyền trong các cơ quan điều tra mà có cả một số người có thẩm quyền trong các cơ quan quản lý nhà nước đang thi hành nhiệm vụ hoặc bất kỳ người nào cũng có thể áp dụng biện pháp ngăn chặn trong một số trường hợp cụ thể nhất định.

#### ***1.1.4. Đối tượng có thể bị áp dụng biện pháp ngăn chặn***

Theo quy định tại Chương VI của Bộ luật TTHS năm 2003(*Mục 1 Chương VII Bộ luật TTHS năm 2015*), thì đối tượng có thể bị áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự gồm:

- Người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố mà qua kiểm tra, xác minh có đủ căn cứ xác định người đó bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ;

- Người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng;

- Người đang thực hiện tội phạm;

- Người đã thực hiện tội phạm;

- Người có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở, hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm;

- Bị can có dấu hiệu bỏ trốn.

Từ những trình bày trên, có thể đưa ra khái niệm chung như sau: *Các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là các biện pháp được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự, do Cơ quan điều tra hoặc do những người có thẩm quyền hay bất kỳ ai được pháp luật quy định và cho phép có quyền áp dụng đối với người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố; người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; người đang thực hiện tội phạm; người đã thực hiện tội phạm; người có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện; bị can nhưng có căn cứ theo pháp luật quy định nhằm ngăn chặn tội phạm, bảo đảm phục vụ cho công tác điều tra hoặc không để họ tiếp tục phạm tội.*

Khái niệm về biện pháp ngăn chặn nêu trên đã phản ánh được toàn bộ các dấu hiệu đặc trưng của biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật TTHS.

## **1.2. Khái niệm, đặc điểm, nội dung kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự**

### **1.2.1. Khái niệm kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự**

Kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là một trong những nội dung quan trọng của công tác thực hành

quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án hình sự, đây là một công tác kiểm sát nhằm thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp đã được Hiến định, nhằm đảm bảo cho việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra của Cơ quan điều tra có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật, loại trừ những vi phạm nhằm bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

Khi đề cập đến khái niệm của hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, đến nay chưa có một tài liệu nào đưa ra khái niệm chính thức, kể cả các tài liệu giảng dạy, học tập, nghiên cứu của ngành kiểm sát. Tuy nhiên cũng có một số quan điểm đề cập đến vấn đề này nhưng ở phạm vi rộng hơn, đó là khái niệm về kiểm sát hoạt động tư pháp. Diễn hình như:

*Quan điểm thứ nhất*, cho rằng “*Kiểm sát hoạt động tư pháp chỉ bao gồm nội dung kiểm sát các hoạt động tố tụng như điều tra, truy tố xét xử và thi hành án*” [58, Tr.3]. Quan điểm này phù hợp với tinh thần và nội dung của Luật tổ chức Viện KSND năm 2002.

*Quan điểm thứ hai*, cho rằng “*Kiểm sát các hoạt động tư pháp bao gồm việc kiểm sát hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và phần “tư pháp” trong thi hành án*” [ 55, Tr.21-22]. Quan điểm này dựa trên những lập luận cho rằng thi hành án là bước tiếp theo của xét xử, nó không phải là hoạt động tư pháp thuần túy mà mang tính chất hành chính tư pháp. Tính chất “tư pháp” trong thi hành án thể hiện ở chỗ TA ra quyết định thi hành bản án hình sự, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành các quyết định dân sự trong bản án hình sự sau khi nhận được các bản án và quyết định dân sự từ TA chuyển sang. Còn tính chất “hành chính” của thi hành án thể hiện ở “tác nghiệp thi hành án”, khi mà cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân các cấp, Cơ quan thi hành án dân sự,... tổ chức thi hành các bản án, quyết định của TA nói chung.

*Quan điểm thứ ba*, cho rằng “*Trong giai đoạn điều tra, kiểm sát các hoạt động tư pháp có nội dung giám sát mọi hoạt động của cơ quan điều tra, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong*

*quá trình điều tra vụ án nhằm bảo đảm cho việc điều tra được tiến hành theo đúng các quy định của pháp luật*” [43, Tr.92]. Quan điểm này cũng khá giống như quan điểm đã được nêu ở quan điểm thứ nhất và phù hợp với Luật tổ chức Viện KSND.

Một số quan điểm khác có nội dung đề cập gần với khái niệm kiểm sát việc áp dụng biện pháp ngăn chặn như:

*Quan điểm thứ nhất*, “đề cập đến vai trò của Viện KSND trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong Luật TTHS Việt Nam” [28].

*Quan điểm thứ hai*, đưa ra khái niệm “vai trò của Viện KSND đối với việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra, truy tố là việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện KSND trong các hoạt động áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn của các cơ quan, người có thẩm quyền theo pháp luật TTHS Việt Nam trong giai đoạn điều tra, truy tố nhằm đảm bảo các quy định của pháp luật được áp dụng có căn cứ cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân” [07].

*Quan điểm thứ ba*, đưa ra khái niệm “kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam là hoạt động thực hiện quyền năng pháp lý của Viện KSND trong quá trình tiến hành công tác kiểm sát điều tra. Thông qua hoạt động này, VKS có trách nhiệm bảo đảm để cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam theo đúng quy định của pháp luật” [60].

Nhìn chung, các quan điểm trên đã nêu lên được một số khía cạnh có liên quan đến khái niệm kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, nhưng chưa đưa ra được khái niệm đầy đủ, khoa học chứa đựng được tất cả các đặc điểm, nội dung của kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Tại các Điều 36, 37 Bộ luật TTHS năm 2003 (*Điều 41, 42 Bộ luật TTHS năm 2015*) quy định chung về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng, Phó viện trưởng, Kiểm sát viên Viện KSND, là những người thay mặt Viện KSND thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp,



trong đó quy định rõ: Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, gia hạn tạm giam; quyết định phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định của CQĐT; hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan điều tra,...

Hay tại Khoản 4 Điều 112 BLTTHS năm 2003(*Khoản 4 Điều 165 BLTTHS năm 2015*) quy định rõ thẩm quyền của Viện kiểm sát khi tiến hành kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Khi thực hiện thẩm quyền trên nếu phát hiện việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra không có căn cứ và trái quy định của pháp luật thì viện kiểm sát có quyền phê chuẩn, không phê chuẩn hoặc hủy bỏ các quyết định của Cơ quan điều tra, trách nhiệm của cơ quan điều tra là chấp hành các quyết định của Viện kiểm sát kể cả trong trường hợp đồng ý hay không đồng ý, theo quy định tại Điều 114 BLTTHS năm 2003(*Khoản 2 Điều 167 BLTTHS năm 2015*) quy định nếu không đồng ý với các quyết định của Viện kiểm sát thì cơ quan điều tra cũng phải chấp hành nhưng có quyền kiến nghị lên Viện kiểm sát cấp trên.

Các quy định của pháp luật TTHS đề cập nhiều đến quyền hạn của Viện kiểm sát trong kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, nhưng chưa nêu được khái niệm kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Vì vậy để đưa ra được khái niệm về kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, chúng ta cần nghiên cứu thẩm quyền của Viện kiểm sát trong từng trường hợp áp dụng biện pháp ngăn chặn cụ thể của Cơ quan điều tra trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự:

#### *1.2.1.1. Biện pháp ngăn chặn bắt người*

Bắt người là một trong các biện pháp ngăn chặn có tính cưỡng chế cao đối với người có dấu hiệu hoặc đã, đang thực hiện hành vi phạm tội để phục vụ cho công tác xác minh điều tra. Trong mọi trường hợp, Viện kiểm sát phải kiểm tra, giám sát từng trường hợp bắt người của Cơ quan điều tra. Tuy nhiên không phải trường hợp nào Viện kiểm sát cũng ra quyết định phê chuẩn quyết

định bắt của Cơ quan điều tra mà chỉ trong trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và bắt bị can để tạm giam, còn các trường hợp bắt khác, Viện kiểm sát vẫn có thẩm quyền kiểm sát nhưng qua công tác kiểm sát có thể ra quyết định hủy bỏ nếu đang có hiệu lực hoặc kiến nghị cơ quan điều tra khắc phục vi phạm nếu việc bắt người không có căn cứ và trái pháp luật.

#### *1.2.1.2. Biện pháp ngăn chặn tạm giữ*

Tạm giữ là biện pháp được Cơ quan điều tra áp dụng sau khi bắt khẩn cấp (hoặc giữ người trong trường hợp khẩn cấp theo BLTTHS năm 2015), bắt người phạm tội quả tang hoặc người đang bị truy nã, người phạm tội đầu thú, tự thú. Thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc áp dụng biện pháp tạm giữ của Cơ quan điều tra là đồng ý hay ra quyết định hủy bỏ lệnh tạm giữ nếu không có căn cứ và trái pháp luật.

Trong trường hợp Cơ quan điều tra đề nghị gia hạn tạm giữ thì Viện kiểm sát phải nghiên cứu việc đề nghị gia hạn đó có căn cứ và cần thiết hay không để phê chuẩn hay không phê chuẩn. Việc phê chuẩn lệnh gia hạn tạm giữ của Cơ quan điều tra là điều kiện để Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ và áp dụng các biện pháp ngăn chặn tiếp theo hay trả tự do cho người bị bắt.

#### *1.2.1.3. Biện pháp ngăn chặn tạm giam*

Tạm giam là biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất trong số các biện pháp ngăn chặn, do vậy đòi hỏi pháp luật phải quy định rất cụ thể và rõ ràng các căn cứ, điều kiện áp dụng nhằm hạn chế việc lạm dụng biện pháp này để thay thế cho các biện pháp ngăn chặn khác nhẹ hơn. Thẩm quyền của Viện kiểm sát khi kiểm sát biện pháp ngăn chặn này của Cơ quan điều tra là phê chuẩn trước khi thi hành hoặc không phê chuẩn nếu Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp này không có căn cứ và trái pháp luật. Nếu biện pháp tạm giam của Cơ quan điều tra đã được phê chuẩn và thi hành nhưng trong quá trình thi hành, các điều kiện để áp dụng không còn thì Viện kiểm sát cũng có quyền quyết định hủy hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác theo đề nghị của Cơ quan điều tra.

Tất cả các trường hợp xét phê chuẩn biện pháp tạm giam thì kèm theo đồng thời là hoạt động kiểm sát và phê chuẩn quyết định khởi tố bị can đối với người bị đề nghị phê chuẩn lệnh tạm giam, chính vì vậy công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án hình sự trong giai đoạn này cực kỳ quan trọng, đòi hỏi Viện kiểm sát phải hết sức thận trọng vì bất cứ quyết định nào của Viện kiểm sát cũng liên quan đến quyền lợi dân sự, chính trị của công dân và việc có oan hay không trong vụ án hình sự, việc tiến hành điều tra đúng hay không cũng xuất phát từ giai đoạn này.

Trường hợp Cơ quan điều tra đề nghị gia hạn tạm giam thì Viện kiểm sát phải nghiên cứu, xem xét toàn bộ các tài liệu, đánh giá chứng cứ trong quá trình điều tra của Cơ quan điều tra để xét có tiếp tục gia hạn hay không gia hạn tạm giam đối với bị can. Việc gia hạn tạm giam phải được thực hiện theo đúng các quy định của Điều 120 Bộ luật TTHS năm 2003 (*Điều 173 Bộ luật TTHS năm 2015*).

#### *1.2.1.4. Biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú*

Cấm đi khỏi nơi cư trú là biện pháp ngăn chặn có thể được áp dụng đối với bị can có nơi cư trú rõ ràng nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra.

Thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn này của Cơ quan điều tra là đồng ý hay ra quyết định hủy bỏ nếu việc áp dụng không có căn cứ trái pháp luật.

#### *1.2.1.5. Biện pháp ngăn chặn bảo lãnh*

Bảo lãnh là biện pháp ngăn chặn để thay thế biện pháp tạm giam mà việc áp dụng hoàn toàn do các cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá, “căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị can, bị cáo”[29, Tr.63]. Việc bảo lãnh là bằng uy tín của cơ quan, tổ chức hoặc uy tín của cá nhân đứng ra nhận bảo lãnh cho bị can. Đối với cá nhân “phải là người có tư cách tốt, phẩm chất tốt, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật”[25, Tr.115]. Khi cá nhân, tổ chức, cơ quan vi phạm nghĩa vụ đã cam kết thì phải chịu trách nhiệm về nghĩa vụ đã cam đoan, trong trường hợp này theo quy

định tại Điều 92 Bộ luật TTHS năm 2003(*Điều 121 Bộ luật TTHS năm 2015*) thì Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận bảo lãnh để bị can vi phạm nghĩa vụ đã cam kết thì tùy theo tính chất, mức độ có thể bị phạt tiền; bị can vi phạm nghĩa vụ cam kết thì sẽ bị tạm giam.

Thẩm quyền của Viện kiểm sát theo Bộ luật TTHS năm 2003 khi kiểm sát biện pháp ngăn chặn này thường là hủy quyết định tạm giam của cơ quan điều tra nếu còn thời hạn tạm giam theo đề nghị của cơ quan điều tra, hoặc nếu hết thì cơ quan điều tra thay thế bằng biện pháp bảo lãnh mà không cần có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát. Nếu thấy việc áp dụng biện pháp này không có căn cứ thì Viện kiểm sát có quyền ra quyết định hủy bỏ. Tuy nhiên theo Bộ luật TTHS năm 2015 thì bất cứ trong trường hợp nào Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp ngăn chặn là bảo lãnh đối với người đang bị tạm giam hay đã hết đều phải có sự phê chuẩn của viện kiểm sát cùng cấp trước khi thi hành.

*1.2.1.6. Biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm(Bộ luật TTHS năm 2015 đã bỏ trường hợp bảo đảm bằng tài sản có giá trị)*

Đặt tiền để bảo đảm là biện pháp ngăn chặn để thay thế biện pháp tạm giam do Cơ quan điều tra áp dụng trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị can để có thể quyết định cho họ được đặt tiền để bảo đảm.

Thẩm quyền của Viện kiểm sát đối với việc áp dụng biện pháp này cũng giống như việc áp dụng biện pháp bảo lãnh, nếu thời hạn tạm giam đối với người được bảo lãnh vẫn còn thì Viện kiểm sát ra quyết định hủy bỏ theo đề nghị của Cơ quan điều tra, hoặc nếu đã hết thời hạn tạm giam mà cần thiết áp dụng biện pháp ngăn chặn này thì theo đề nghị của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phê chuẩn quyết định áp dụng đặt tiền trước khi thi hành hoặc không phê chuẩn nếu quyết định đó không có căn cứ và trái pháp luật.

*1.2.1.7. Biện pháp tạm hoãn xuất cảnh*

Đây là biện pháp ngăn chặn mới được quy định tại Điều 124 Bộ luật TTHS năm 2015, được áp dụng cho hai nhóm đối tượng là bị can và người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố.

Thẩm quyền của Viện kiểm sát theo quy định của pháp luật trong kiểm sát áp dụng biện pháp ngăn chặn này của cơ quan điều tra là hủy bỏ nếu không có căn cứ và trái pháp luật.

Từ sự phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm chung về kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự như sau: *Kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân nhằm bảo đảm cho việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra có căn cứ, đúng pháp luật; góp phần loại trừ những vi phạm pháp luật trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra, bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của công dân không bị xâm phạm.*

### ***1.2.2. Đặc điểm của kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự***

Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật có liên quan thì Viện kiểm sát có chức năng: Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, là cơ quan tiến hành tố tụng duy nhất có trách nhiệm tham gia đầy đủ các giai đoạn tố tụng hình sự từ giai đoạn tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố cho đến hết giai đoạn thi hành án. Hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là một trong những nội dung quan trọng của Viện kiểm sát trong thực hiện quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án hình sự của Cơ quan điều tra, có trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Cơ quan điều tra trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, kịp thời phát hiện vi phạm pháp luật để loại trừ việc vi phạm của Cơ quan điều tra, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, các quyền và lợi ích chính đáng của công dân, không để xảy ra oan sai trong việc bắt, giữ, giam hoặc áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác mà không có căn cứ và trái pháp luật.

Xác định rõ vị trí, chức năng quan trọng của Viện kiểm sát trong công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nên nên Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 21/3/2000 của Bộ chính trị:

*“Về một số công việc cấp bách của một số cơ quan tư pháp cần thực hiện trong năm 2000”, yêu cầu phải: “Tăng cường trách nhiệm pháp lý của Viện kiểm sát nhân dân đối với công tác bắt, giam, giữ....sai sót trong việc bắt, giam, giữ ở địa phương nào thì trước hết Viện kiểm sát nhân dân ở địa phương đó phải chịu trách nhiệm”[08].*

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị cũng nhắc lại quan điểm nêu trên: *“Viện kiểm sát các cấp chịu trách nhiệm về những oan, sai trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam thuộc phạm vi, thẩm quyền phê chuẩn của mình”[09].*

Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội khóa XIII, về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện KSND, của TAND và công tác thi hành án năm 2013 cũng nêu rõ: *“...Viện kiểm sát kiểm sát chặt chẽ các hoạt động điều tra, kịp thời đề ra yêu cầu điều tra để chống bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội...phải báo cáo, thống kê đầy đủ tình hình vi phạm pháp luật trong các hoạt động tư pháp...”[36]*

Nghị quyết số 63/2013/QH13 ngày 27/11/2013 của Quốc hội khóa XIII, về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng đề cập: *“...kiểm sát chặt chẽ các hoạt động tư pháp...chống lạm dụng bắt khẩn cấp, chống bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội,...”[37].*

Nghị quyết số 96/2015/QH13 ngày 26/6/2015 của Quốc hội khóa XIII, về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự cũng nêu rõ: *“Viện kiểm sát các cấp thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố gắn với hoạt động điều tra và kiểm sát hoạt động tư pháp; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có thẩm quyền điều tra trong xử lý tội phạm; bảo đảm việc khởi tố, bắt, tạm giữ, tạm giam, truy tố có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; không để xảy ra oan, sai,....”[38].*

Như vậy công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn có vị trí, vai trò rất quan trọng trong chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của ngành kiểm sát, không những được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự, mà các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội còn thường xuyên quan tâm đề cập, chỉ đạo.

Cũng từ vị trí, vai trò quan trọng của hoạt động này, qua phân tích đề đưa ra khái niệm kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự thấy có những đặc điểm sau:

*Thứ nhất*, Đây là hoạt động mang tính quyền lực Nhà nước bởi vì chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của Viện KSND do cơ quan quyền lực Nhà nước là Quốc hội quyết định và được thể chế hóa cụ thể trong Hiến pháp, Luật tổ chức Viện KSND, Bộ luật TTHS và các đạo luật có liên quan.

*Thứ hai*, Là hoạt động nhằm thực hiện quyền giám sát do Quốc hội giao, vì thông qua hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm sát chặt chẽ hoạt động tư pháp nói chung và trình tự, thủ tục, căn cứ, thẩm quyền,... áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Cơ quan điều tra nói riêng; kịp thời phát hiện vi phạm để có biện pháp phòng, chống oan sai. Hàng năm báo cáo trước các kỳ họp của Quốc hội về công tác của ngành, đánh giá đầy đủ tình hình vi phạm pháp luật trong các hoạt động tư pháp, thống kê, phân tích tội phạm và đề xuất các biện pháp phòng ngừa tội phạm thuộc trách nhiệm.

*Thứ ba*, Đối tượng của hoạt động kiểm sát là những căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự do các chủ thể có chức vụ, quyền hạn trong hoạt động điều tra như: Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra; người chỉ huy đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương; người chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo và biên giới; người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng. Và theo quy định tại Điều 110 của Bộ luật TTHS năm 2015(hiện đang xem xét sửa đổi, bổ sung) thì còn có đối tượng là Chỉ huy trưởng Biên phòng cửa khẩu tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, Cục trưởng Cục trinh sát biên

phòng Bộ đội biên phòng,... áp dụng. Vì vậy trong quá trình kiểm sát nếu không nắm chắc những căn cứ để có thể áp dụng đối với từng biện pháp ngăn chặn cụ thể thì khi ban hành bất cứ quyết định phê chuẩn, không phê chuẩn hay hủy bỏ các quyết định của những chủ thể này cũng sẽ liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng trái chiều của hai nhóm đối tượng là công dân và người có chức vụ quyền hạn trong tổ tụng hình sự.

*Thứ tư*, Đối tượng bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là những người thuộc trường hợp bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, truy nã, bị can. Vì vậy bất cứ một quyết định nào của Viện kiểm sát cũng liên quan đến quyền lợi dân sự, chính trị, quyền tự do thân thể hoặc có thể oan, sai đối với công dân.

*Thứ năm*, Căn cứ để áp dụng các biện pháp ngăn chặn là những căn cứ thực tế và cũng chính là những căn cứ để Viện kiểm sát xem xét, đánh giá tính có căn cứ, hợp pháp để ra các quyết định phê chuẩn, không phê chuẩn, hủy bỏ đối với các quyết định của Cơ quan điều tra.

### ***1.2.3. Nội dung của kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự***

Với việc thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Cơ quan điều tra nhằm mục đích đảm bảo cho việc áp dụng các biện pháp này có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, loại trừ những vi phạm trong việc áp dụng; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

Để đạt được mục đích đó, khi tiến hành thực hiện nhiệm vụ này, Viện kiểm sát nhân dân mà trực tiếp là Viện trưởng, Phó viện trưởng và Kiểm sát viên phải nghiên cứu, xem xét các căn cứ áp dụng, thẩm quyền áp dụng,...không chỉ được quy định trong Bộ luật TTHS mà còn được quy định tại các văn bản hướng dẫn cụ thể trong việc áp dụng từng biện pháp ngăn chặn. Cụ thể nội dung của việc kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Cơ quan điều tra như sau:



### *1.2.3.1. Nội dung kiểm sát việc áp dụng biện pháp bắt*

*a/ Kiểm sát việc bắt khẩn cấp (Giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp)*

Ở nội dung này, Viện kiểm sát (thay mặt là Kiểm sát viên, là người tiến hành tố tụng) cần kiểm tra căn cứ để xác định việc bắt đó có thuộc một trong những căn cứ được quy định tại khoản 1 Điều 81 BLTTHS năm 2003 (*Khoản 1 Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015*) hay không. Đó là các căn cứ sau:

- Khi có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng.

Kiểm sát viên cần kiểm tra hồ sơ do cơ quan điều tra chuyển đến để xác định có việc người bị bắt có hành vi chuẩn bị thực hiện tội phạm như: chuẩn bị công cụ, phương tiện, lập kế hoạch, liên lạc với đồng bọn để thống nhất kế hoạch như thực hiện, ... đồng thời cũng phải xác định tội phạm mà người bị bắt định thực hiện phải là tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng.

- Người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt (trông) nhìn thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn.

Kiểm sát viên cần nghiên cứu các biên bản ghi lời khai của người cùng thực hiện tội phạm, bị hại hoặc lời khai của người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm để xác định đúng người bị bắt là người đã thực hiện tội phạm và có chứng cứ chứng tỏ người đó sẽ bỏ trốn.

- Khi thấy có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ.

KSV cần nghiên cứu các tài liệu như: biên bản khám xét, thu giữ vật chứng, ... đã được CQĐT thu thập để xác định có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở, nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị bắt cũng như xác định các chứng cứ chứng minh việc người bị bắt có dấu hiệu trốn, tiêu hủy chứng cứ như tẩu tán tài sản vừa lấy được, xóa dấu vết tội phạm, cất giấu công cụ, phương tiện phạm tội, ...

Đối với căn cứ có dấu hiệu trốn, KSV phải nghiên cứu kỹ hồ sơ để đánh giá một cách toàn diện về các mặt như nhân thân (có tiền án, tiền sự, lang thang không có nơi cư trú rõ ràng,...), tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội và loại tội phạm được thực hiện mà thực tiễn cho thấy người thực hiện tội phạm thường hay bỏ trốn như tội trộm cắp, tội lừa đảo, tội cướp, tội giết người, tội mua bán trái phép chất ma túy,...

Trong trường hợp cần thiết, khi nghiên cứu hồ sơ nếu thấy có dấu hiệu lạm dụng việc giữ người, bắt người bị giữ, tài liệu trong hồ sơ chưa thể hiện rõ căn cứ để giữ người, bắt người bị giữ hoặc có mâu thuẫn, KSV có thể trực tiếp gặp, hỏi người bị bắt. Biên bản ghi lời khai của người bị bắt do KSV lập phải được chuyển cho CQĐT để đưa vào hồ sơ vụ án.

KSV kiểm tra thủ tục giữ người, bắt người bị giữ theo quy định tại Khoản 2 Điều 80 BLTTHS năm 2003 (*Khoản 2 Điều 113 BLTTHS năm 2015*). Ngoài ra KSV kiểm tra việc người ra lệnh giữ người, bắt người bị giữ có đúng thẩm quyền hay không.

KSV còn phải kiểm tra các hoạt động của CQĐT sau khi giữ người, bắt người bị giữ như: lấy lời khai, ra quyết định tạm giữ hoặc trả tự do cho người bị bắt. Nếu phát hiện thấy có vi phạm thì KSV báo cáo lãnh đạo VKS và đề xuất hướng giải quyết.

KSV cần lưu ý đọc và xử lý ngay hồ sơ đề nghị phê chuẩn, kể cả vào các ngày nghỉ, ngày lễ hoặc ngoài giờ làm việc hành chính, bởi lẽ thời hạn xét phê chuẩn của VKS phải thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4 Điều 81 BLTTHS năm 2003 (*Khoản 6 Điều 110 BLTTHS 2015*). Nếu phải trực tiếp gặp, hỏi người bị bắt hoặc trong trường hợp phải xét phê chuẩn nhiều người bị bắt cùng một thời điểm hoặc vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn này cũng không được quá 12 giờ, kể từ khi VKS nhận được hồ sơ đề nghị xét phê chuẩn. Các tài liệu trong hồ sơ được quy định cụ thể tại mục 3.3 Thông tư liên tịch số: 05/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005, trong đó đặc biệt lưu ý đến các tài liệu liên quan làm căn cứ cho việc bắt người bị giữ trong

trường hợp khẩn cấp, tài liệu về nhân thân người bị bắt để xác định được có căn cứ bắt không, bắt theo trường hợp.

Trước tình trạng lạm dụng việc bắt, trong trường hợp cần thiết, KSV phải trực tiếp gặp, hỏi người bị bắt trước khi xem xét quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn. Khi cần gặp, hỏi người bị bắt KSV phải thông báo trước để CQĐT tạo điều kiện cho KSV thực hiện nhiệm vụ hoặc để phối hợp trong quá trình gặp, hỏi người bị bắt.

Biên bản ghi lời khai của người bị bắt do KSV lập phải được chuyển cho CQĐT để đưa vào hồ sơ vụ án.

*b/ Kiểm sát việc bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã(BLTTHS năm 2015 tách ra hai trường hợp riêng biệt)*

Bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã là trường hợp bắt người không cần phải công bố lệnh lệnh và bắt kỳ ai cũng bắt được. Vì vậy KSV tập trung xem xét căn cứ bắt và kiểm tra các hoạt động của CQĐT sau khi bắt người.

Kiểm sát việc bắt người phạm tội quả tang là kiểm tra người bị bắt có phải bị bắt khi đang thực hiện tội phạm hay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện hoặc bị đuổi bắt; người bị bắt có phải là người đang bị truy nã hay không. Đối với trường hợp bắt người đang bị truy nã, phải nghiên cứu danh chỉ bản, ảnh của người truy nã để đối chiếu với quyết định truy nã để xác định đúng họ là đối tượng bị truy nã. Nếu phát hiện việc bắt không đúng căn cứ, KSV báo cáo lãnh đạo VKS để yêu cầu CQĐT trả tự do cho người bị bắt.

KSV kiểm sát hoạt động lấy lời khai, ra quyết định tạm giữ hoặc trả tự do của CQĐT đối với người bị bắt quả tang. Đối với người bị bắt trong trường hợp truy nã, nếu đã hết thời hạn tạm giữ mà cơ quan ra quyết định truy nã chưa thể nhận người bị bắt thì phải ra lệnh tạm giam gửi kèm quyết định truy nã đến Viện kiểm sát cùng cấp nơi CQĐT đã ra quyết định truy nã để xét phê chuẩn.

Kiểm sát biên bản bắt là kiểm tra biên bản có ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm bắt, nơi lập biên bản, những việc làm, tình hình diễn biến trong khi

thi hành lệnh bắt, những đồ vật tạm giữ và những khiếu nại của người bị bắt. Biên bản bắt được đọc lại cho người bị bắt, người chứng kiến nghe và ký tên. Sau khi bắt người, CQĐT thông báo cho chính quyền địa phương và gia đình nếu không ảnh hưởng đến hoạt động điều tra.

*c/ Kiểm sát việc bắt bị can để tạm giam*

Kiểm sát căn cứ bắt tạm giam là nghiên cứu các tài liệu mà CQĐT đã thu thập để xác định có căn cứ chứng tỏ bị can sẽ gây khó khăn cho việc điều tra hoặc sẽ tiếp tục phạm tội. Thông qua việc kiểm tra hồ sơ các tài liệu xác minh bị can không chấp hành giấy triệu tập để làm việc với CQĐT, hoặc tài liệu thể hiện việc có các hoạt động tiếp tục phạm tội để xác định các căn cứ đó. Ngoài ra KSV kiểm tra các điều kiện tạm giam được quy định tại Điều 88 BLTTHS như: Bị can phải phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội rất nghiêm trọng; phạm tội nghiêm trọng, phạm tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên hai năm và có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra; là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới ba mươi sáu tháng tuổi, là người già yếu, người bị bệnh nặng mà có nơi cư trú rõ ràng đã áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng tiếp tục phạm tội hoặc cố ý gây cản trở nghiêm trọng đến việc điều tra; phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ cho rằng nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia.

Kiểm tra thẩm quyền và thủ tục bắt người như: Khi thi hành lệnh phải đọc, giải thích lệnh; giải thích quyền, nghĩa vụ của người bị bắt và có lập biên bản bắt; nếu tiến hành bắt người tại nơi cư trú hoặc tại nơi làm việc thì phải có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn, người láng giềng hoặc đại diện cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng kiến; nếu bắt người tại nơi khác thì phải có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi tiến hành bắt; việc bắt người không được tiến hành vào ban đêm, tức là không được bắt từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau.

Ngoài những quy định chung về bắt người đã được nêu ở trên thì trong một số trường hợp bắt mà đối tượng bị bắt là chủ thể đặc biệt như: Đại biểu

Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và Người chưa thành niên(*người dưới 18 tuổi theo quy định của BLTTHS 2015*) thì cần phải tuân theo những quy định khác có liên quan, và nội dung của kiểm sát việc áp dụng biện pháp ngăn chặn cũng cần phải chú ý, cụ thể:

- Việc áp dụng biện pháp bắt đối với Đại biểu Quốc hội:

Tại Điều 81 Hiến pháp năm 2013 có quy định: *“Không được bắt, giam, giữ, khởi tố Đại biểu Quốc hội nếu không có sự đồng ý của Quốc hội hoặc trong thời gian Quốc hội không họp, không có sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội”*. [31]

Tại Khoản 1 Điều 37 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 có quy định: *“Không được bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở và nơi làm việc của Đại biểu Quốc hội nếu không có sự đồng ý của Quốc hội hoặc trong thời gian Quốc hội không họp, không có sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Việc đề nghị bắt, giam, truy tố, khám xét nơi ở và nơi làm việc của Đại biểu Quốc hội thuộc thẩm quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao”* [32].

*Trường hợp Đại biểu Quốc hội bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.*

- Việc áp dụng biện pháp bắt đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp:

Theo Điều 44 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 quy định *“Trong thời gian Hội đồng nhân dân họp, nếu không được sự đồng ý của Chủ tọa kỳ họp thì không được bắt giữ Đại biểu Hội đồng nhân dân”* [33].

*Nếu vì phạm tội quả tang hoặc trong trường hợp khẩn cấp mà Đại biểu Hội đồng nhân dân bị tạm giữ thì cơ quan ra lệnh tạm giữ phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp.*

- Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên(*dưới 18 tuổi theo Điều 419 BLTTHS 2015*):

Tại Điều 303 Chương XXXII Bộ luật TTHS năm 2003 có quy định:

*“1. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu có đủ căn cứ quy định tại các Điều 80,81,82, 86,88 và Điều 120 của Bộ luật này, nhưng chỉ trong những trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.*

*2. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu có đủ căn cứ quy định tại các Điều 80,81,82, 86,88 và Điều 120 của Bộ luật này, nhưng chỉ trong những trường hợp phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.*

*3. Cơ quan ra lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam người chưa thành niên phải thông báo cho gia đình, người đại diện hợp pháp của họ biết ngay sau khi bắt, tạm giữ, tạm giam”.[29]*

Bộ luật TTHS năm 2015 quy định thêm biện pháp bắt tạm giam người bị yêu cầu dẫn độ. Về căn cứ và trình tự, thủ tục cũng như bắt bị can để tạm giam, vì vậy nội dung kiểm sát cũng tập trung các căn cứ như bắt bị can để tạm giam.

#### 1.2.3.2. Nội dung kiểm sát biện pháp tạm giữ, tạm giam

##### *a/ Kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ*

Tạm giữ là biện pháp được CQĐT áp dụng đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định bị truy nã.

KSV kiểm tra quyết định tạm giữ để đảm bảo việc tạm giữ do những người được quy định tại Khoản 2 Điều 86 BLTTHS năm 2003 (*Khoản 2 Điều 110 BLTTHS năm 2015*) quyết định, đảm bảo thời hạn tạm giữ không quá 09 ngày (kể cả việc gia hạn tạm giữ hai lần). Đối với trường hợp cần gia hạn tạm giữ, KSV phải xác định có căn cứ, có thật sự cần thiết hay không để tranh tình trạng lạm dụng hoặc kéo dài thời hạn này. Trường hợp gia hạn tạm giữ lần thứ hai thực tế thường được áp dụng trong các vụ án mà người phạm tội phạm vào các tội đặc biệt nghiêm trọng; các vụ án phức tạp, liên quan đến nhiều đối tượng, nhiều địa phương, các vụ án liên quan đến yêu cầu phải giám định,

định giá tài sản,... cần có nhiều thời gian để hoàn tất tài liệu để khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Về thủ tục, Thông tư số 70/2011/TT-BCA ngày 10/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành các quy định của Bộ luật TTHS liên quan đến việc bảo đảm quyền bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, quy định: “khi giao quyết định tạm giữ cho người bị tạm giữ, quyết định khởi tố bị can cho bị can, Điều tra viên phải đọc và giải thích cho họ biết rõ về quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ, bị can theo quy định tại Điều 49, Điều 49 BLTTHS năm 2003 và lập biên bản giao nhận quyết định. Trong biên bản phải nêu rõ ý kiến của người bị tạm giữ, bị can về việc có nhờ người bào chữa hay không”. Do vậy KSV phải đọc biên bản giao quyết định tạm giữ để xác định: Điều tra viên có thực hiện nghĩa vụ phổ biến cho người bị tạm giữ, biết rõ về quyền, nghĩa vụ của họ hay không; người bị tạm giữ có nhờ người bào chữa hay không và nếu người bị tạm giữ có nhờ người bào chữa thì ĐTV đã thực hiện trách nhiệm của mình trong việc bảo đảm quyền bào chữa cho người bị tạm giữ như thế nào. Từ đó KSV có biện pháp nhắc nhở phù hợp và kịp thời đối với CQĐT.

#### *b/ Kiểm sát biện pháp tạm giam*

Tạm giam là biện pháp ngăn chặn hạn chế có thời hạn quyền tự do thân thể của bị can được áp dụng khi có căn cứ cho rằng bị can gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội. Kiểm sát biện pháp tạm giam là kiểm sát căn cứ, thẩm quyền, thủ tục, thời hạn tạm giam.

Kiểm sát căn cứ tạm giam, KSV cần nắm vững các quy định tại Khoản 2 Điều 83, Khoản 1 Điều 88 BLTTHS năm 2003 để xác định:

- Có phải đã bị bắt theo lệnh truy nã của CQĐT hay không;
- Bị can có phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng hay không;
- Nếu phạm tội nghiêm trọng, tội ít nghiêm trọng thì khung hình phạt của tội đó có trên hai năm tù và có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra hoặc có thể tiếp tục phạm tội không;

- Nếu là phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi hoặc là người già yếu, người bị bệnh nặng, có nơi cư trú rõ ràng thì có phải là đã bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã không; hoặc đã áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng tiếp tục phạm tội hoặc cố ý gây cản trở nghiêm trọng đến việc điều tra; hoặc phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ cho rằng nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia.

Khi có căn cứ cho rằng bị can có thể bỏ trốn, KSV cũng xác định tương tự như kiểm sát việc bắt khẩn cấp. Xác định căn cứ cản trở việc điều tra, cần xem xét thái độ và hành vi của bị can khi lấy lời khai, hỏi cung và tham gia các hoạt động điều tra khác.

Kiểm sát thẩm quyền và thời hạn tạm giam: KSV căn cứ vào quy định tại điều 80, Khoản 3 Điều 88, Điều 120 Bộ luật TTHS để kiểm tra. Thẩm quyền ra lệnh tạm giam của CQĐT là thủ trưởng, Phó thủ trưởng. Lệnh tạm giam của CQĐT cần phải có sự phê chuẩn của VKS trước khi thi hành.

Về thời hạn tạm giam, KSV kiểm sát cả thời hạn gia hạn tạm giam. Theo quy định của Bộ luật TTHS, thời hạn tạm giam đối với tội ít nghiêm trọng là không quá 03 tháng; tội nghiêm trọng là không quá 06 tháng; tội rất nghiêm trọng là không quá 09 tháng và tội đặc biệt nghiêm trọng là không quá 16 tháng. Đối với nhóm tội xâm phạm an ninh quốc gia, trong trường hợp cần thiết thời hạn tạm giam có thể kéo dài hơn 16 tháng, việc gia hạn này do Viện trưởng Viện KSNDTC quyết định căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng, phức tạp của vụ án.

Kiểm sát thủ tục tạm giam và việc hủy bỏ, thay thế biện pháp tạm giam: Là kiểm tra việc Cơ quan ra lệnh tạm giam có kiểm tra căn cước của người bị tạm giam và thông báo ngay cho gia đình người bị tạm giam, chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị tạm giam hoặc làm việc biết hay không.

Nếu người bị tạm giam có con dưới 14 tuổi hoặc người thân thích là người tàn tật, già yếu và không có người chăm sóc thì KSV phải kiểm tra việc CQĐT đã giao những người đó cho người thân thích hoặc chính quyền sở tại



trông nom hay chưa; Tài sản của người bị tạm giam không có người trông nom, bảo quản thì CQĐT đã có biện pháp gì để quản lý, bảo quản.

Trong quá trình điều tra, nếu có căn cứ để CQĐT đề nghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị can, KSV kiểm tra các căn cứ, đối chiếu với các quy định tại Khoản 1,2 Điều 88 Bộ luật TTHS để xác định. Nếu có căn cứ, KSV báo cáo lãnh đạo VKS và đề xuất việc ra quyết định hủy bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác.

*Bộ luật TTHS năm 2015 đã có rất nhiều thay đổi như:*

- Bổ sung tình tiết “có dấu hiệu bỏ trốn”, “có dấu hiệu tiếp tục phạm tội”;
- Bỏ các căn cứ rất tùy nghi: “cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử”, “có ý gây cản trở nghiêm trọng đến việc điều tra, truy tố, xét xử” và thay bằng những căn cứ cụ thể như: “đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm”, “không có nơi cư trú rõ ràng hoặc không xác định được lý lịch của bị can”, “có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này”.

- Bổ sung khả năng áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù đến hai năm nếu họ tiếp tục phạm tội hoặc bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã.

- Hạn chế số lần gia hạn tạm giam để điều tra; bổ sung trường hợp đặc biệt khi không có căn cứ để hủy bỏ biện pháp tạm giam thì Viện trưởng VKSND tối cao quyết định việc tạm giam cho đến khi kết thúc việc điều tra đối với một số loại tội.

1.2.3.3. Nội dung kiểm sát việc áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bảo lãnh; đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo

*a/ Kiểm sát biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú*

KSV căn cứ vào quy định tại Điều 91 Bộ luật TTHS năm 2003(Điều 123 BLTTHS năm 2015) kiểm tra căn cứ, thủ tục áp dụng biện pháp ngăn chặn

cấm đi khỏi nơi cư trú. KSV nghiên cứu các tài liệu xác định căn cứ bị can có nơi cư trú rõ ràng và làm giấy cam đoan không đi khỏi nơi cư trú, có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi trong giấy triệu tập; Việc thông báo áp dụng biện pháp này cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi bị can cư trú và giao bị can cho chính quyền quản lý theo dõi họ.

Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú không cần có sự phê chuẩn của VKS cho nên đáng lẽ phải áp dụng biện pháp tạm giam thì CQĐT lại áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Do đó, KSV cũng cần lưu ý tính có căn cứ của việc áp dụng biện pháp ngăn chặn này để lưu ý ĐTV trong việc tuân thủ pháp luật.

*b/ Kiểm sát việc áp dụng biện pháp bảo lãnh*

Kiểm sát biện pháp bảo lãnh, cần kiểm tra tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị can trước khi đề xuất lãnh đạo VKS phê chuẩn đề nghị thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh của CQĐT. KSV xác định hậu quả của tội phạm, thủ đoạn, phương thức thực hiện tội phạm,... để từ đó đánh giá được tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Ngoài ra, KSV kiểm tra điều kiện của người bảo lãnh như: là cơ quan, tổ chức thì phải là cơ quan, tổ chức mà bị can là thành viên. Đối với tổ chức thì phải xem xét tổ chức đó có phải là tổ chức hợp pháp được Nhà nước cho phép hoạt động không. Đối với cá nhân phải đủ 18 tuổi trở lên, có đủ hai người và có tư cách, phẩm chất đạo đức tốt, nghiêm chỉnh chấp hành các nghĩa vụ công dân hay không. Khi nhận bảo lãnh, cá nhân, tổ chức có làm giấy cam đoan và CQĐT phải thông báo cho cá nhân hoặc tổ chức về những tình tiết của vụ án có liên quan đến việc bảo lãnh không. Việc bảo lãnh có sự xác nhận của chính quyền địa phương nơi cá nhân đứng ra bảo lãnh cư trú hoặc ký tên, đóng dấu của người đứng đầu tổ chức đứng ra bảo lãnh hay không. Bộ luật TTHS năm 2003 không quy định Viện kiểm sát phê chuẩn nhưng Bộ luật TTHS năm 2015 quy định quyết định áp dụng biện pháp bảo lãnh phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát cùng cấp trước khi thi hành.

*c/ Kiểm sát biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm*

Đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm là biện pháp ngăn chặn để thay thế biện pháp tạm giam. Trước khi đề xuất việc chấp nhận đề nghị thay đổi biện pháp ngăn chặn là tạm giam của CQĐT và phê chuẩn quyết định, KSV nghiên cứu các tài liệu để làm rõ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình trạng tài sản của bị can.

Sau khi quyết định đã được phê chuẩn của VKS, KSV kiểm sát việc thi hành. Kiểm sát biên bản về việc đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm xác định rõ số lượng tiền; tài sản mà bị can đặt là tài sản gì, tình trạng của tài sản như thế nào; số lượng tiền hoặc giá trị của tài sản có đảm bảo khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra hay không; có đủ để buộc họ phải có mặt tại CQĐT khi bị triệu tập hay không.

Bộ luật TTHS năm 2015 bỏ quy định đặt tài sản có giá trị để bảo đảm đồng thời ngoài bị can, đã mở rộng chủ thể có quyền yêu cầu áp dụng là người thân thích của họ. Vì vậy nội dung kiểm sát cũng cần bám sát các căn cứ và điều kiện nêu trên.

Bộ luật TTHS năm 2015 đã quy định bổ sung biện pháp ngăn chặn tạm hoãn xuất cảnh đối với hai nhóm đối tượng là bị can và người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố. Vì vậy khi tiến hành kiểm sát biện pháp này cần chú ý các căn cứ như: ngoài dấu hiệu bỏ trốn đối với bị can, riêng đối với người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố còn có thêm căn cứ bổ sung là qua kiểm tra, xác minh có đủ căn cứ xác định người đó bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó bỏ trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ, đồng thời cũng cần chú ý đến thời hạn áp dụng đối với hai nhóm tội này là hoàn toàn khác nhau.

## **Kết luận chương 1**

Các biện pháp ngăn chặn có vai trò rất quan trọng trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra, nhưng nó cũng có tác động ảnh hưởng lớn đến các quyền và lợi ích cơ bản của công dân, đến môi trường xã hội xung quanh người bị áp dụng. Nếu việc áp dụng đúng đắn các biện pháp ngăn chặn sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều tra vụ án hình sự nhanh chóng, tạo lòng tin vào công lý của nhân dân. Ngược lại nếu việc áp dụng biện pháp ngăn chặn không đúng sẽ có thể xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích chính đáng của người bị áp dụng và có tác động xấu đến xã hội, gây mất lòng tin của nhân dân vào công lý và đặc biệt có thể dẫn đến oan sai, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hình ảnh của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nói riêng.

Những nghiên cứu trong chương này cho thấy việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn được pháp luật quy định rất chặt chẽ về trình tự, thủ tục, thẩm quyền của cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng, trong đó Viện kiểm sát thực hiện chức năng kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là không thể thiếu.

Nghiên cứu cũng cho thấy các quy định hiện hành và các quan điểm nghiên cứu pháp luật hiện nay chưa đề cập nhiều đến khái niệm kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, mà chỉ mới chỉ đề cập ở góc độ rộng hơn, đó là thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án hình sự. Ngoài ra, pháp luật TTHS cũng chỉ quy định về căn cứ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền của cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn mà chưa quy định kiểm sát việc áp dụng trong từng trường hợp cụ thể. Vì vậy nghiên cứu đã làm rõ khái niệm, nội dung và kỹ năng khi thực hiện chức năng kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

## Chương 2

# THỰC TRẠNG KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

### 2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự được Hiến định và cụ thể hóa trong pháp luật tố tụng hình sự cũng như các văn bản quy phạm pháp luật khác của Nhà nước. Cụ thể:

Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi, bổ sung năm 2001 và Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều khẳng định: *“Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.*

*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.”*

*“Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam giữ người do luật định”.*

Đồng thời quy định rõ chức năng của Viện KSND:

*“Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất”.*[31]

Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn được bảo đảm đúng quy định của pháp luật là trách nhiệm rất lớn của Viện kiểm sát, điều này cũng được thể

hiện trong Nghị quyết số: 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị: “... ở đâu có việc bắt giam, giữ trái pháp luật thì Viện kiểm sát ở đó phải chịu trách nhiệm”.

Luật tổ chức Viện KSND năm 2014 quy định tại Điều 14:

“1....

4. *Phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, việc tạm giam và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân.*

5. *Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, các biện pháp ngăn chặn và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của luật.*

6....”.[34]

Tại Điều 22 Luật tổ chức Viện KSND cũng quy định Viện KSND ra Quyết định trả tự do ngay cho người bị tạm giữ, tạm giam không có căn cứ và trái pháp luật trong trường hợp phát hiện thông qua công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự.

Trên cơ sở các quy định của Hiến pháp, Bộ luật TTHS cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện KSND trong thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, trong đó có nội dung kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự tại các điều luật sau đây:

- Điều 23 Bộ luật TTHS 2003(*Điều 20 BLTTHS 2015*): Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự;

- Điều 36 BLTTHS 2003(*Điều 41 BLTTHS 2015*): Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát;

- Điều 37 BLTTHS 2003(*Điều 42 BLTTHS 2015*): Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên;

- Từ các Điều 79 đến Điều 94, Chương VI, Bộ luật TTHS 2003(*Mục 1, Chương VII, BLTTHS 2015*) về những biện pháp ngăn chặn;

- Điều 112 BLTTHS 2003(*Điều 165 BLTTHS 2015*), Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra;

- Điều 114 BLTTHS 2003(*Điều 167 BLTTHS 2015*): Trách nhiệm của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong việc thực hiện yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra;

- Điều 120 BLTTHS 2003(*Điều 173 BLTTHS 2015*): Thời hạn tạm giam để điều tra;

- Điều 303 BLTTHS 2003(*Điều 419 BLTTHS 2015*): Bắt tạm giữ, tạm giam(đối với người phạm tội dưới 18 tuổi);

- Điều 333 BLTTHS 2003(*Điều 474 BLTTHS 2015*): Thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng trong việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam.

Ngoài ra, để cụ thể hóa các quy định của Bộ luật TTHS, cơ sở để thực hiện kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra còn được thể hiện ở các văn bản:

- Chương III, từ Điều 14 đến Điều 18 Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự, ban hành kèm theo Quyết định số: 07/2008/QĐ-VKSTC ngày 02/01/2008 của Viện trưởng Viện KSND tối cao.

- Chỉ thị số: 06/CT-VKSTC ngày 06/12/2013 của Viện KSND tối cao về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- Thông tư liên tịch số: 01/2014/TTLT-VKSTC-BQP ngày 17/02/2014 của Viện KSND tối cao, Bộ quốc phòng hướng dẫn thực hiện việc bắt, tạm giữ hình sự và kiểm sát việc bắt, tạm giữ hình sự tại các đồn biên phòng.

- Thông tư liên tịch số: 17/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-VKSTD-TATC ngày 14/11/2013 của Bộ công an, Bộ quốc phòng, Bộ tài chính, Viện KSND tối cao, Tòa án tối cao hướng dẫn về việc đặt tiền để bảo đảm theo Điều 93 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Và một số văn bản khác của Viện KSND tối cao hướng dẫn công tác kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự; Kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự của ngành kiểm sát.

## **2.2. Thực trạng áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự**

Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Cơ quan CSĐT- Công an thị xã Đồng Xoài trong giai đoạn từ ngày 01/12/ 2011 đến tháng 6 năm 2016 về cơ bản chặt chẽ, đúng pháp luật, đáp ứng yêu cầu, mục đích của việc áp dụng, góp phần đảm bảo chất lượng, hiệu quả của công tác điều tra. Qua thống kê, thấy cụ thể như sau:

### **2.2.1. Thực trạng áp dụng biện pháp bắt người**

Bắt người là biện pháp ngăn chặn được áp dụng trước các biện pháp tạm giữ, tạm giam. Nội dung của biện pháp này là hạn chế quyền tự do thân thể của người bị bắt trong một khoảng thời gian nhất định, với mục đích và ý nghĩa là ngăn chặn kịp thời hành vi phạm tội, không để cho đối tượng tiếp tục gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội, ngăn chặn đối tượng có hành vi gây cản trở quá trình điều tra xử lý, đảm bảo sự tham gia của họ trong các hoạt động điều tra. So với các biện pháp ngăn chặn khác được Bộ luật TTHS quy định thì bắt người là một trong những biện pháp nghiêm khắc nhất, đồng thời cũng được cơ quan CSĐT sử dụng phổ biến nhất trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Theo số liệu thống kê của Viện KSND thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/5/2016 cho thấy số người bị bắt trong các trường hợp bắt cụ thể như sau:

*Bảng 2.1. Số người bị bắt trên địa bàn thị xã Đồng Xoài từ tháng 12 năm 2011 đến tháng 6/2016*

Năm	Tổng số người	Trường hợp bắt					
		Khẩn cấp	Quả tang	Tạm giam	Truy nã	Đầu thú	Tự thú



	<b>bị bắt</b>						
2012	192	63	52	51	10	16	0
2013	191	62	75	26	07	21	0
2014	245	88	83	36	03	35	0
2015	235	71	79	33	09	43	0
6/2016	116	37	40	19	05	14	01
<b>Tổng số</b>	<b>979</b>	<b>321</b>	<b>329</b>	<b>165</b>	<b>34</b>	<b>129</b>	<b>01</b>

*Nguồn: Viện KSND thị xã Đồng Xoài.[46]*

Theo số liệu thống kê trên thì tỷ lệ bắt của các năm không có sự chênh lệch nhiều, tình hình người phạm tội diễn ra không tăng trên địa bàn, qua theo dõi các trường hợp bắt thấy đa số các trường hợp bắt người thì tiếp sau đó là chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ và tiếp theo là tạm giam sau khi khởi tố bị can, hoặc áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, rất ít trường hợp bắt sau đó phải trả tự do để xác minh thêm. Theo thống kê thì từ tháng 12 năm 2011 đến tháng 6 năm 2016, số người bị bắt không phải là bắt tạm giam sau đó phải trả tự do là 46 người trên tổng số 814 người, chiếm tỷ lệ: 5,65%. Trong số 46 trường hợp trả tự do nêu trên đều được xác minh xử lý, và chủ yếu là thuộc các trường hợp người bị bắt đã thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích, và thuộc nhóm tội xâm phạm sở hữu như: Trộm cắp tài sản, Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản,... do phải thực hiện công tác giám định thương tích hoặc định giá tài sản nên trong quá trình bắt, tạm giữ, gia hạn tạm giữ hết thời hạn nhưng chưa xác định được định lượng nên không khởi tố bị can được dẫn đến phải trả tự do cho người bị bắt. Một số trường hợp phải xử lý hành chính do hành vi gây thương tích của người bị bắt đối với bị hại, nhưng bị hại từ chối giám định thương tích dẫn đến không có căn cứ để xử lý hình sự, một số trường hợp khởi tố theo yêu cầu bị hại nhưng sau khi có kết quả giám định, bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố nên vụ việc không được xử lý hình sự. Tuy nhiên tính đến thời điểm hiện tại, trên

địa bàn không có trường hợp nào dẫn đến oan sai phải bồi thường theo quy định về trách nhiệm bồi thường trong tố tụng hình sự.

Cũng theo thống kê từ tháng 12 năm 2011 đến tháng 6/2016, Viện kiểm sát chỉ ra quyết định không phê chuẩn duy nhất một trường hợp, nhưng sau khi người bị bắt được trả tự do đến nay vẫn chưa xử lý được vì các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn chưa thống nhất được quan điểm xử lý, cụ thể đó là trường hợp:

Nội dung: Khoảng cuối tháng 9/2015, Hoàng Văn Sự- SN: 1988 điều khiển xe Mô tô biển kiểm soát số: 93T4-7668 đến nhà của Vũ Văn Chương mua một cục chất độc(Xyanua theo lời khai của Hoàng Văn Sự) với giá 50.000đ, đưa về chế biến tạo thành “bả chó” để sử dụng cho chó của người khác ăn dẫn đến bị chết rồi bắt trộm bán lấy tiền tiêu xài.

Khoảng 13h ngày 04/10/2015, Sự điều khiển xe Mô tô mang theo 01 hộp nhựa bên trong có chứa 20 cục “bả chó” đến gặp Lâm Trần Phong- SN: 1990 và rủ Phong đi “trộm chó” bán lấy tiền tiêu xài thì Phong đồng ý. Khi Sự điều khiển xe mô tô chở Phong đến đoạn đường 20 thuộc khu phố Tân Bình-phường Tân Bình- TX. Đồng Xoài- tỉnh Bình Phước thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện bắt giữ.

Trên cơ sở lời khai của Hoàng Văn Sự, Cơ quan CSĐT- CA thị xã Đồng Xoài đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Vũ Văn Chương, đồng thời khám xét khẩn cấp tại nhà của Chương thu giữ 48 cục chất rắn màu trắng..

Do chỉ có duy nhất lời khai của đối tượng Hoàng Văn Sự và không xác định được chất thu giữ tại nhà của đối tượng Vũ Văn Chương thuộc loại chất độc gì và Điều 238 Bộ luật hình sự cũng không được hướng dẫn danh mục chất độc, định lượng,... nên không có căn cứ để phê chuẩn Lệnh bắt khẩn cấp của Cơ quan điều tra. Vì vậy Viện KSND thị xã Đồng Xoài đã ra Quyết định không phê chuẩn Lệnh bắt khẩn cấp trên.

Vụ việc đến nay cũng chưa xử lý được về hình sự hay hành chính vì các ngành chưa thống nhất và cũng chưa có hướng dẫn nào về việc xử lý tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất độc.

Bên cạnh đó qua theo dõi kiểm sát việc áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt của Cơ quan CSĐT thấy cũng còn một số tồn tại:

Tình trạng bắt khẩn cấp nhưng không kịp thời thông báo cho Viện kiểm sát bằng văn bản kèm theo hồ sơ để xét phê chuẩn, mà một số trường hợp chỉ đến khi Cơ quan điều tra ra lệnh tạm giữ hết 03 ngày thì đồng thời Cơ quan CSĐT gửi văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, đồng thời đề nghị phê chuẩn lệnh gia hạn tạm giữ lần thứ nhất đối với người bị bắt. Cụ thể trong trường hợp này Viện kiểm sát đã phát hiện 04 trường hợp bắt, tạm giữ sai nên phải ra quyết định không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp và lệnh gia hạn tạm giữ của Cơ quan CSĐT, cụ thể:

Khoảng 11h00 ngày 18/7/2014, Nguyễn Văn An, sinh ngày: 20/8/1998 ngụ tại khu phố Suối Đá, phường Tân Xuân, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước; Lê Văn Minh, sinh ngày: 1998 (Chưa xác định được ngày, tháng sinh), Nguyễn Văn Dũng, sinh ngày: 28/8/1998 và Nông Văn Quang, sinh ngày 13/12/1998 cùng ngụ tại khu phố Thanh Bình, phường Tân Bình, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước cùng 08 đối tượng khác rủ nhau chơi đánh bài ăn tiền tại nhà của Nguyễn Văn Bằng, sinh năm 1980, ngụ tại khu phố Phú Thanh, phường Tân Phú, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước. Hình thức đánh bài ăn tiền là sử dụng bộ bài tây 52 lá để chia đều cho mỗi người chơi 03 lá bài để tính điểm cho mỗi ván. Trong mỗi ván, nếu ai lớn điểm nhất sẽ thắng hết số tiền được đặt cược trên bàn và đứng ra chia bài cho ván tiếp theo, vì vậy không có ai đứng ra làm cái; cách tính thắng thua được quy định từ con bài “Át” đến con bài “10” sẽ tương ứng với số điểm từ 01 đến 10, riêng các con bài có hình (con bài tây) sẽ được tính 10 điểm, sau đó cộng số điểm của ba con bài lại và chỉ lấy số hàng đơn vị, nếu ai lớn điểm sẽ thắng,....

Đến khoảng 14h00 cùng ngày, Công an thị xã Đông Xoài kết hợp Công an phường Tân Phú phát hiện bắt giữ quả tang 08 đối tượng thu giữ tại chiếu bạc 21.372.000đ (hai mươi một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng), riêng Nguyễn Văn An, Lê Văn Minh, Nguyễn Văn Dũng, Nông Văn Quang chạy thoát. Qua làm việc với các đối tượng bị bắt, Cơ quan CSĐT tiến hành bắt

khẩn cấp đối với 04 đối tượng trên vào ngày 19/7/2014, đồng thời ra lệnh tạm giữ cả bốn đối tượng trên từ ngày 19/7/2014 đến ngày 22/7/2014, tiếp tục gia hạn tạm giữ lần I và có văn bản đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, đồng thời phê chuẩn lệnh gia hạn tạm giữ lần thứ nhất nêu trên.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, phát hiện việc bắt, tạm giữ đối với các đối tượng trên là vi phạm Khoản 1 Điều 303 Bộ luật TTHS. Tại Khoản 1 Điều 303 Bộ luật TTHS quy định: “Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu có đủ căn cứ quy định tại các Điều 80,81,82,86,88 và 120 của Bộ luật này, nhưng chỉ trong những trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng”

Như vậy đến khi bị bắt, các đối tượng trên chưa đủ 16 tuổi, riêng Lê Văn Minh không xác định được ngày, tháng sinh nên áp dụng có lợi cho đối tượng là ngày 31/12/1998 nên cũng chưa đủ 16 tuổi. Vì vậy Viện kiểm sát đã ra quyết định không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp và lệnh gia hạn tạm giữ của Cơ quan CSĐT đối với Nguyễn Văn An, Lê Văn Minh, Nguyễn Văn Dũng và Nông Văn Quang.

Như vụ việc trên, Cơ quan CSĐT vừa vi phạm về thời hạn gửi văn bản đề nghị phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, vừa vi phạm về căn cứ tạm giữ.

Ngoài ra cũng còn một số vướng mắc nhưng chưa có hướng dẫn để nhận thức đúng như: thời hạn về việc “trả tự do ngay” cho người bị bắt khẩn cấp nếu Viện kiểm sát không phê chuẩn; ra quyết định tạm giữ và đưa người bị bắt khẩn cấp vào nhà tạm giữ hay cử người canh giữ chờ Viện kiểm sát phê chuẩn rồi mới ra quyết định tạm giữ. Các vướng mắc trên thực tế cũng xảy ra trên địa bàn, nhưng do chưa phải là nghiêm trọng nên giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chỉ trao đổi và kiến nghị cấp trên có hướng dẫn chứ không có trường hợp nào kiến nghị, kháng nghị.

### ***2.2.2. Thực trạng áp dụng biện pháp tạm giữ***

Theo số liệu thống kê của Viện KSND thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/5/2016 cho thấy số người bị áp dụng biện pháp tạm giữ trong các trường hợp cụ thể như sau:

Bảng 2.2. Số người bị tạm giữ trên địa bàn thị xã Đông Xoài từ tháng 12/ 2011 đến tháng 6/2016

Năm	Tổng số người bị tạm giữ	Trường hợp bắt					Số tạm giữ năm trước chuyển sang	Số tiếp nhận bắt nơi khác chuyển đến	Số bắt chưa tạm giữ chuyển đi
		Khẩn cấp	Quả tang	Truy nã	Đầu thú	Tự thú			
2012	141	63	52	10	16	0	0	0	0
2013	158	62	75	07	21	0	0	0	07
2014	222	88	83	03	35	0	15	0	02
2015	206	71	79	09	43	0	06	01	03
6/2016	104	37	40	05	14	01	08	0	01
<b>Tổng</b>	<b>831</b>	<b>321</b>	<b>329</b>	<b>34</b>	<b>129</b>	<b>01</b>	<b>29</b>	<b>01</b>	<b>13</b>

Nguồn: Viện KSND thị xã Đông Xoài.[46]

Theo số liệu thống kê trên thì hầu hết các trường hợp bắt đều chuyển sang tạm giữ, và chủ yếu trong các nhóm tội xâm phạm nhân thân, nhóm tội xâm phạm sở hữu và các tội phạm về ma túy mà phần lớn là các tội có cấu thành cơ bản mang tính định lượng, và thường các trường hợp tạm giữ đều phải gia hạn tạm giữ để chờ kết quả giám định thương tích, định giá tài sản hay chờ giám định thành phần, hàm lượng chất ma túy.

Tạm giữ hình sự đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho Cơ quan điều tra tiến hành các hoạt động kiểm tra, xác minh kịp thời về vụ việc có dấu hiệu tội phạm, trên cơ sở đó có những quyết định đúng đắn trong việc giải quyết các tố giác, tin báo, vụ việc có dấu hiệu tội phạm và quyết định áp dụng hoặc không áp dụng các biện pháp ngăn chặn tiếp theo.

### 2.2.3. Thực trạng áp dụng biện pháp tạm giam

Theo số liệu thống kê của Viện KSND thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/5/2016 cho thấy số người bị áp dụng biện pháp tạm giam trong các trường hợp cụ thể như sau:

*Bảng 2.3. Số người bị tạm giam trên địa bàn thị xã Đồng Xoài từ tháng 12/ 2011 đến tháng 6/2016*

<b>Năm</b>	<b>Tổng số bị can bị tạm giam</b>	<b>Bắt tạm giam</b>	<b>Tạm giữ chuyển sang tạm giam</b>
2012	171	51	120
2013	156	26	130
2014	220	36	184
2015	205	33	172
2016	99	19	80
<b>Tổng số</b>	<b>851</b>	<b>165</b>	<b>686</b>

*Nguồn: Viện KSND thị xã Đồng Xoài.[46]*

Tạm giam là một trong những biện pháp ngăn chặn mang tính nghiêm khắc nhất, biện pháp này đã tước đi quyền tự do của con người trong một thời gian nhất định và kèm theo là hạn chế một số quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giam. Thực tế trong những năm qua cho thấy biện pháp tạm giam thường được áp dụng trong những trường hợp tạm giữ chuyển sang(chiếm trên 80%), việc bắt bị can để tạm giam chỉ chiếm khoảng 20%, chủ yếu là những trường hợp được cơ quan điều tra áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng gây khó khăn cho cơ quan điều tra khi triệu tập bị can đến làm việc nhưng không đến, hoặc bỏ đi khỏi địa phương nhưng không báo cho cơ quan quản lý.

Nhìn chung việc áp dụng các biện pháp tạm giam của Cơ quan điều tra được thực hiện một cách chặt chẽ, đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, góp phần tạo điều kiện cho công tác điều tra vụ án hình sự, đảm

bảo việc điều tra vụ án hình sự đúng thời hạn theo quy định. Điều đó thể hiện ở việc trong thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 6/2016, Viện kiểm sát chỉ ra quyết định không phê chuẩn đối với hai trường hợp tạm giam của Cơ quan điều tra, cụ thể:

Khoảng 20h30 phút ngày 06/9/2015, Phạm Văn Vui- SN: 1994; Nguyễn Văn Ngân- SN: 1986 và Trần Văn Tâm- SN: 1985, cùng có hộ khẩu thường trú tại: xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; tạm trú tại: KP. Suối Đá, phường Tân Xuân, TX. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đến quán bán cháo vịt(không tên) của anh Đoàn Văn Tuấn, SN: 1990, trên đường Nguyễn Huệ, thuộc phường Tân Xuân, TX. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để ăn và uống rượu. Trong lúc ăn uống với nhau thì Ngân và Tâm xảy ra mâu thuẫn dẫn đến lời qua, tiếng lại rồi Tâm dùng chân đá bàn của mình đang ngồi. Lúc này anh Ngô Ngọc Thành, SN: 1968, nhà ở gần quán cháo vịt đến chơi có can ngăn và nói không ồn ào để quán của anh Tuấn buôn bán. Do đó Ngân bực tức và đã lời qua, tiếng lại và đòi đánh anh Thành nhưng được mọi người trong quán can ngăn. Ngân, Vui và Tâm tiếp tục ngồi ăn và uống rượu, còn anh Thành ngồi ăn cháo tại bàn cách nhóm của Ngân khoảng 04- 05 mét. Đến khoảng 21h 00 cùng ngày thì Ngân và Vui đứng dậy về trước, còn Tâm trả tiền cho anh Tuấn xong đi về sau. Sau khi Ngân và Vui đi về cách quán khoảng 20 mét thì Ngân rủ Vui quay lại đánh anh Thành thì Vui đồng ý. Sau đó Ngân và Vui mỗi người nhặt một khúc gỗ khô bên lề đường rồi quay lại để đánh anh Thành. Lúc này anh Thành đang ngồi ăn cháo, Ngân cầm khúc gỗ bằng tay phải đến phía sau lưng anh Thành đánh 2- 3 cái vào đầu, anh Thành đứng dậy quay lại thì bị Ngân tiếp tục đánh vào người thì anh Thành đưa hai tay lên đỡ nên trúng vào cẳng tay trái. Cùng lúc này, Vui cũng chạy đến dùng khúc gỗ đánh 2-3 cái vào đầu và người của anh Thành, anh Thành bỏ chạy thì Ngân và Vui tiếp tục đuổi theo. Trong lúc đuổi đánh anh Thành thì Ngân bị anh Thành ôm giữ lại rồi cùng người dân xung quanh bắt giữ giao cho Công an phường Tân Xuân xử lý và thu giữ khúc gỗ nêu trên. Anh Thành được mọi người đưa

đi cấp cứu, điều trị tại bệnh viện tỉnh Bình Phước đến ngày 10/9/2015 thì được xuất viện.

Cơ quan điều tra đã tiến hành bắt khẩn cấp Vui và tạm giữ đối với Ngân và Vui

Qua giám định thương tích kết luận tỷ lệ thương tích của anh Thành là 04%.

Ngày 25/02/2016, anh Thành có đơn yêu cầu khởi tố đối với Ngân và Vui.

Ngày 04/3/2016, Cơ quan CSĐT- Công an thị xã Đồng Xoài ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam đối với Nguyễn Văn Ngân và Phạm Văn Vui về tội: “ Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Khoản 1 Điều 104 BLHS, đồng thời có Công văn đề nghị Viện KSND thị xã Đồng Xoài phê chuẩn các Quyết định, Lệnh trên.

Xét thấy các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có hộ khẩu thường trú rõ ràng, cơ quan điều tra không thu thập được các căn cứ tạm giam theo Điểm b Khoản 1 Điều 88 Bộ luật TTHS nên ngày 06/3/2016, Viện KSND thị xã Đồng Xoài đã ra Quyết định số: 01, 02 hủy bỏ các lệnh tạm giam đối với Nguyễn Văn Ngân và Phạm Văn Vui.

#### **2.2.4. Thực trạng áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú**

Theo số liệu thống kê của Viện KSND thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/5/2016 cho thấy số người bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú các trường hợp cụ thể như sau:

*Bảng 2.4. Số người bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú trên địa bàn thị xã Đồng Xoài từ tháng 12/ 2011 đến tháng 6/2016*

Năm	Số bị bắt(Trừ số bắt bị can tạm giam)					Tổng số vụ án khởi tố	Tổng số bị can bị khởi	Số bị can áp dụng BPNC	Số BC khởi áp dụng BPNC	Số bị can áp dụng BPNC
	Tạm giữ	Tạm giam	Cấm đi	Áp dụng	Trả tự	khởi tố	bị khởi	dụng BPNC	dụng BPNC	dụng BPNC



			khởi nơi cư trú	biện pháp khác	do		tố	bắt tạm giam	cấm đi khởi nơi cư trú	khác
<b>2012</b>	141	120	<b>08</b>	0	13	116	238	51	<b>51</b>	08
<b>2013</b>	158	130	<b>03</b>	0	10	123	209	26	<b>26</b>	00
<b>2014</b>	222	184	<b>28</b>	0	04	140	270	36	<b>20</b>	02
<b>2015</b>	206	172	<b>19</b>	0	07	166	289	33	<b>61</b>	04
<b>2016</b>	104	80	<b>05</b>	0	12	84	144	19	<b>25</b>	01
<b>Tổng g</b>	<b>831</b>	<b>686</b>	<b>63</b>	<b>0</b>	<b>46</b>	<b>629</b>	<b>1150</b>	<b>165</b>	<b>183</b>	<b>15</b>

*Nguồn: Viện KSND thị xã Đông Xoài.[46]*

Theo số liệu thống kê trên thì biện pháp bảo lãnh chỉ chiếm khoảng 16% trên tổng số người bị khởi tố và ngày càng được mở rộng theo hướng hạn chế áp dụng các biện pháp ngăn chặn có tính nghiêm khắc cao sang áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh ít nghiêm khắc hơn. Điều đó thể hiện sự khoan hồng, tính nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội.

Thực tế áp dụng biện pháp này, cơ quan điều tra đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, trong năm năm qua không có trường hợp nào áp dụng sai dẫn đến Viện kiểm sát phải ra quyết định hủy bỏ hoặc kiến nghị cơ quan điều tra thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn khác.

### **2.2.5. Thực trạng áp dụng biện pháp bảo lãnh**

*Bảng 2.5. Số người bị áp dụng biện pháp bảo lãnh trên địa bàn thị xã Đông Xoài từ tháng 12/ 2011 đến tháng 6/2016*

Năm	Số VA khởi tố	Số BC khởi tố	Tạm giam		Chuyển bảo lãnh	Chuyển đặt tiền
			Từ tạm giữ	Bắt tạm		

				<b>giam</b>		
<b>2012</b>	116	238	120	51	<b>08</b>	00
<b>2013</b>	123	209	130	26	<b>00</b>	00
<b>2014</b>	140	270	184	36	<b>02</b>	00
<b>2015</b>	166	289	172	33	<b>04</b>	00
<b>2016</b>	84	144	80	19	<b>01</b>	00
<b>Tổng</b>	<b>629</b>	<b>1150</b>	<b>686</b>	<b>165</b>	<b>15</b>	<b>00</b>

*Nguồn: Viện KSND thị xã Đồng Xoài.[46]*

Qua báo cáo thống kê hàng năm của Viện KSND thị xã Đồng Xoài thấy sau khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can thì Cơ quan cảnh sát điều tra chỉ áp dụng một trong hai biện pháp ngăn chặn đối với bị can, đó là: Tạm giam hoặc cấm đi khỏi nơi cư trú. Trong quá trình điều tra, nếu xét thấy hành vi của các bị can đã được điều tra làm rõ, các bị can có nơi cư trú rõ ràng, gia đình các bị can có đơn xin bảo lãnh mà thời hạn điều tra còn nhiều và còn tiếp tục điều tra đối với các đồng phạm khác, thấy không cần thiết tiếp tục tạm giam đối với bị can thì Cơ quan CSĐT gửi văn bản đề nghị Viện KSND ra quyết định hủy lệnh tạm giam để thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Và thường các trường hợp đề nghị thay đổi biện pháp ngăn chặn của Cơ quan CSĐT đều được chấp nhận.

Vì vậy trên cơ sở thống kê số liệu áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự như đã nêu ở trên thấy trong giai đoạn từ năm 2012 đến 2016, Cơ quan CSĐT- Công an thị xã Đồng Xoài chỉ áp dụng biện pháp ngăn chặn là bảo lãnh cho 15 trường hợp(chiếm khoảng 02%).

#### ***2.2.6. Thực trạng áp dụng biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm***

Qua theo dõi số liệu áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự thì từ năm 2012 đến 2016 trên địa bàn thị xã Đồng Xoài, Cơ quan điều tra không áp dụng biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm nào.

Nguyên nhân không áp dụng biện pháp ngăn chặn này là do điều kiện kinh tế của người muốn đặt tiền hoặc tài sản không đáp ứng yêu cầu, không thống nhất mức tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm, hay phải qua bước xác minh, thẩm định mất nhiều thời gian,... và nếu có đủ điều kiện áp dụng biện pháp ngăn chặn này thì cũng phải có sự phê chuẩn của VKS trước khi thi hành. Vì vậy Cơ quan điều tra thường áp dụng biện pháp ngăn chặn là bảo lãnh vừa thuận lợi hơn, vừa có cơ sở ràng buộc những người đứng ra bảo lãnh có trách nhiệm với người được bảo lãnh hơn.

Ngoài việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra thì pháp luật TTHS còn quy định một số cơ quan có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra được áp dụng một số biện pháp ngăn chặn như: chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo và biên giới; người chỉ huy tàu bay, tàu biển, khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng,... Tuy nhiên do vị trí địa lý, trong 05 năm qua trên địa bàn thị xã Đồng Xoài không có trường hợp các cơ quan này áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

### **2.3. Thực tiễn kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự tại thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước**

#### ***2.3.1. Việc quán triệt và tổ chức thực hiện công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra***

Để thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Đảng và Bộ luật tố tụng hình sự, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và các văn bản có liên quan đến công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, nhằm đảm bảo quyền tự do dân chủ của công dân, hạn chế và tiến tới loại bỏ oan sai. Hàng năm Viện kiểm sát nhân dân tối cao đều quán triệt và nhấn mạnh đối với toàn ngành chú trọng trong công tác kiểm sát chặt chẽ các căn cứ và điều kiện áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong tất cả các giai đoạn tố tụng hình sự nói chung và trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng. Trên cơ sở đó, Viện KSND thị xã Đồng Xoài đã thường xuyên quán triệt đến toàn thể cán bộ, KSV làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án hình sự phải thường xuyên nghiên cứu, cập nhật thông tin trong các văn bản hướng

dẫn nghiệp vụ về công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, thường xuyên, chủ động phối hợp với cơ quan điều tra, mà cụ thể là các Điều tra viên thực hiện tốt các quy định của Bộ luật TTHS để vận dụng trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với từng trường hợp cụ thể.

### ***2.2.2. Thực tiễn kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự***

Cũng theo số liệu thống kê việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đã được nêu ở phần trên, cho thấy: Công tác phê chuẩn, không phê chuẩn một số biện pháp ngăn chặn như: Bắt, tạm giữ, gia hạn tạm giữ, tạm giam mà Cơ quan điều tra đã áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật. Những trường hợp VKS phê chuẩn đều đã được xử lý theo đúng các quy định của pháp luật; trong 05 năm qua, không có trường hợp nào oan, sai do VKS phê chuẩn hoặc bỏ lọt người phạm tội khi VKS không phê chuẩn lệnh bắt, hủy bỏ lệnh gia hạn tạm giữ, tạm giam của Cơ quan điều tra. Thực tế cũng không có trường hợp nào VKS không phê chuẩn lệnh bắt, hủy bỏ lệnh gia hạn tạm giữ, lệnh tạm giam mà bị Cơ quan điều tra kiến nghị theo quy định tại Điều 114 Bộ luật TTHS (Trách nhiệm của Cơ quan điều tra trong việc thực hiện các yêu cầu và quyết định của VKS).

Bên cạnh đó, VKS trong quá trình xét phê chuẩn các lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra cũng đã phát hiện một số vi phạm phổ biến như sau:

*Thứ nhất*, vi phạm trong việc chậm gửi văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, gia hạn tạm giam như vụ: Nguyễn Văn An cùng đồng phạm đánh bạc ngày 18/7/2014 đã nêu ở trên.

*Thứ hai*, vi phạm về cách tính thời hạn tạm giữ, tạm giam. Một số trường hợp trong lệnh tạm giữ, Cơ quan điều tra không ghi thời hạn tạm giữ bắt đầu từ mấy giờ đến mấy giờ mà chỉ ghi chung chung từ ngày này đến ngày này, dẫn đến nhiều trường hợp Nhà tạm giữ giải quyết quyết định trả tự do mang tính tùy nghi gây bất lợi cho người người bị bắt. Điển hình như vụ Nguyễn Văn Bình cùng đồng phạm phạm tội trộm cắp tài sản vào ngày 15/12/2014. Sau khi các đồng phạm bị bắt, thấy việc trốn tránh không được nên vào lúc

7h30 ngày 07/01/2015, Bình đến đầu thú tại Cơ quan điều tra và bị áp dụng biện pháp tạm giữ ba ngày kể từ ngày 07/01 đến ngày 10/01/2015 thì được trả tự do chờ xử lý. Do lệnh tạm giữ không ghi rõ thời gian nên khi làm thủ tục trả tự do, đến 15h30 ngày 10/01/2015 Bình mới được ra khỏi Nhà tạm giữ.

Một số trường hợp thời hạn tạm giam ghi trong lệnh tạm giam quá thời hạn theo quy định. Điển hình như trường hợp Lê Văn Thanh phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, bị tạm giam hai tháng 27 ngày kể từ ngày 23/8/2013 đến ngày 20/11/2013. Trong trường hợp này do tháng 10 có 31 ngày nên thời hạn đến ngày 19/11 là hết thời hạn, nhưng Cơ quan điều tra đã tạm giam quá 01 ngày gây bất lợi cho người bị tạm giam.

Hoặc trường hợp Hoàng Văn Ngọc phạm tội cố ý gây thương tích, bị tạm giam 04 tháng từ ngày 05/4/2014 đến ngày 05/8/2014. Tuy nhiên Cơ quan điều tra khi ra lệnh tạm giam không trừ đi thời hạn mà bị can Ngọc đã bị tạm giữ và gia hạn tạm giữ từ ngày 02/4/2014 đến ngày 11/4/2014, là vi phạm thời hạn tạm giữ theo Điều 87 Bộ luật TTHS.

*Thứ ba*, vi phạm về thủ tục áp dụng biện pháp bảo lãnh. Trong một số trường hợp Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp bảo lãnh, nhưng trong đơn xin bảo lãnh chỉ có 01 người đứng tên là vi phạm Điều 92 Bộ luật TTHS.

Ngoài ra còn một số vi phạm khác như: Biên bản bắt người tại nơi cư trú không có người láng giềng của người bị bắt chứng kiến (theo Điều 80 Bộ luật TTHS, không thông báo ngay cho gia đình người đã bị bắt,...

Tất cả những vi phạm trên đều đã được VKS kiến nghị khắc phục kịp thời hoặc Cơ quan điều tra tiếp thu khắc phục trong thời gian chờ phê chuẩn.

Ngoài việc phát hiện kịp thời những vi phạm của Cơ quan điều tra trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra, VKS thị xã Đồng Xoài cũng có vi phạm trong việc phê chuẩn lệnh gia hạn tạm giữ, điển hình như trường hợp:

Ngày 23/5/2003, Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can và lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Đỗ Thị Khánh Toàn về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. VKS đã phê chuẩn Quyết định và lệnh nêu trên. Do

không bắt được bị can mà thời hạn điều tra đã hết nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra và truy nã đối với bị can Toàn.

Ngày 09/3/2016, Công an tỉnh Bình Phước phối hợp với Công an quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng bắt được bị can Toàn. Do không thể dẫn giải ngay bị can về thị xã Đồng Xoài, Cơ quan CSĐT- Công an thành phố Đà Nẵng đã ra quyết định tạm giữ và đưa bị can Toàn vào Trại tạm giam- Công an thành phố Đà Nẵng.

Sau khi dẫn giải bị can Toàn về giao cho Cơ quan điều tra- Công an thị xã Đồng Xoài, thì Cơ quan điều tra- Công an thị xã Đồng Xoài đã ra lệnh gia hạn tạm giữ lần thứ nhất, lần thứ hai đối với bị can Toàn và cả hai lần gia hạn đều có quyết định phê chuẩn của VKS thị xã Đồng Xoài.

Trong trường hợp trên, lẽ ra Cơ quan điều tra phải ra ngay lệnh tạm giam nhưng lại gia hạn tạm giữ hai lần mới ra lệnh tạm giam là vi phạm tiểu mục 4.3, mục 4, Thông tư liên tịch số: 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 giữa Viện KSND tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng(TTLT số: 05) về quan hệ phối hợp trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật TTHS năm 2003, đồng thời vi phạm Khoản 3 Điều 13 Thông tư liên tịch số: 13/2012/TTLT-BCA-BTP-VKSTC-TATC ngày 09/10/2012 giữa Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Viện KSND tối cao, Tòa án ND tối cao(TTLT số: 13) hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật TTHS và Luật Thi hành án hình sự về Truy nã.

Tiểu mục 4.3, mục 4 TTLT số: 05, “Sau khi nhận được thông báo kèm theo danh bản, chỉ bản, ảnh người bị bắt, cơ quan đã ra quyết định truy nã phải kiểm tra ngay để xác định đúng là người đang bị truy nã hay không; nếu xác định đúng thì phải đến nhận ngay người bị bắt; nếu không đúng phải thông báo lại ngay để cơ quan điều tra đang giữ người bị bắt **trả tự do cho họ**. Trường hợp không thể đến nhận ngay người bị bắt thì cơ quan đã ra quyết định truy nã có thẩm quyền bắt để tạm giam phải ra ngay lệnh tạm giam và gửi lệnh tạm giam kèm theo quyết định truy nã cho VKS cùng cấp phê chuẩn”.

Khoản 3 Điều 13 TTLT số: 13, “Sau khi nhận được thông báo kèm theo danh bản, chỉ bản, ảnh người bị bắt, cơ quan đã ra quyết định truy nã phải kiểm tra ngay để xác định đúng là người đang bị truy nã hay không; nếu xác định đúng thì phải đến nhận ngay người bị bắt; nếu không đúng phải thông báo lại ngay để cơ quan điều tra đang giữ người bị bắt **và giải quyết theo quy định của pháp luật**. Trường hợp không thể đến nhận ngay người bị bắt thì cơ quan đã ra quyết định truy nã có thẩm quyền bắt để tạm giam phải ra ngay lệnh tạm giam và gửi lệnh tạm giam kèm theo quyết định truy nã cho VKS cùng cấp phê chuẩn”.

## **2.4. Đánh giá thực tiễn kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự tại thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước**

### **2.4.1. Những thuận lợi**

*Thứ nhất*, Cán bộ, Kiểm sát viên được bố trí làm phụ trách công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra của Cơ quan điều tra nhận thức khá chặt chẽ, đầy đủ về vị trí, vai trò của công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự;

*Thứ hai*, Cán bộ, Kiểm sát viên được phân công nắm vững các quy định của Bộ luật TTHS và các văn bản hướng dẫn trong hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra;

*Thứ ba*, Giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã ký kết Quy chế phối hợp trong việc thực hiện các quy định của Bộ luật TTHS và các văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục khi áp dụng và kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn;

*Thứ tư*, Công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong hoạt động tố tụng hình sự của lãnh đạo Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra ngày càng được quan tâm thực hiện tốt hơn.

### **2.4.2. Những tồn tại, hạn chế:**

*Thứ nhất*, Một số vướng mắc trong áp dụng pháp luật tố tụng hình sự:

- Trong phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp: Khoản 4 Điều 81 BLTTHS quy định trong mọi trường hợp, việc bắt khẩn cấp phải được VKS xét phê chuẩn; nếu VKS không phê chuẩn thì người ra lệnh bắt phải “trả tự do ngay” cho người bị bắt. Quy định này chưa cụ thể về mặt thời gian dẫn đến nhiều trường hợp VKS không phê chuẩn nhưng CQĐT chậm trả tự do cho người bị bắt.

- Khoản 4 Điều 81 Bộ luật TTHS chưa quy định cụ thể thời gian bắt khẩn cấp chờ VKS phê chuẩn thì người bị bắt bị tạm giữ bằng hình thức nào, dẫn đến nhiều trường hợp CQĐT ra lệnh tạm giữ và đưa người bị bắt vào nhà tạm giữ trong khi chưa có quyết định phê chuẩn của VKS.

- Khoản 1 Điều 87 Bộ luật TTHS quy định thời hạn tạm giữ không được quá 03 ngày kể từ khi CQĐT nhận người bị bắt, như vậy trong thời gian dẫn giải, chờ phê chuẩn của VKS là thời gian chưa có quy định dẫn đến bất lợi cho người bị bắt. Một số trường hợp CQĐT ra lệnh tạm giữ từ khi bắt người, nhưng bắt và tạm giữ là hai biện pháp độc lập, có tính kế tiếp nhau do đó không được tính thời gian này vào thời gian tạm giữ.

- Căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam dựa vào việc phân loại tội phạm mà không kèm theo điều kiện gì là chưa chặt chẽ, dẫn đến tình trạng lạm dụng việc tạm giam, như: Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo trong những trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội rất nghiêm trọng (Điểm a Khoản 1 Điều 88 BLTTHS); hoặc trong các trường hợp bị can phạm tội ít nghiêm trọng nhưng có khung hình phạt dưới hai năm tù thì không được tạm giam, kể cả trong trường hợp họ có thể trốn, tiêu hủy chứng cứ, cản trở điều tra, ... đã gây khó khăn cho quá trình điều tra.

- Quy định cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng không đề cập đến trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc quản lý người bị áp dụng; thời hạn áp dụng, thời hạn hết hiệu lực cũng không được đề cập dẫn đến hầu hết các trường hợp áp dụng biện pháp này xuyên suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án xong cũng không có lệnh nào hủy bỏ hay quy định nào đề cập đương nhiên được bãi bỏ sau khi người bị áp dụng thi hành xong hình phạt nếu bị Tòa án tuyên có tội.



- Quy định biện pháp bảo lãnh chỉ nêu cá nhân hay tổ chức phải làm giấy cam đoan không để bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội và bảo đảm sự có mặt của bị can, bị cáo theo giấy triệu tập của CQĐT, VKS hoặc TA nhưng không đề cập đến trách nhiệm của cá nhân, tổ chức nếu vi phạm cam kết dẫn đến nhiều trường hợp vi phạm cam đoan nhưng bị can bị áp dụng biện pháp bắt tạm giam, nhưng cá nhân, tổ chức không phải chịu bất kỳ chế tài nào.

- Quy định về biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm nhưng không nêu cụ thể các tiêu chí, số lượng tiền, giá trị tài sản, loại tội phạm,...dẫn đến khó áp dụng; Thông tư liên tịch số 17/2013/TTLT ngày 14/11/2013 hướng dẫn đặt tiền nhưng thực tế trên địa bàn chưa áp dụng biện pháp này trong năm năm qua.

*Thứ hai*, Quy định về tổ chức, bộ máy làm việc của VKS chưa thật sự tương ứng với chức năng, nhiệm vụ của ngành kiểm sát đã được Hiến định, pháp luật quy định

- Hiện nay ngành kiểm sát được tổ chức thành bốn cấp tương ứng với Bộ máy tổ chức của Tòa án nhân dân đã phần nào đáp ứng yêu cầu của công tác cải cách tư pháp, tuy nhiên về cơ cấu tổ chức, hoạt động của VKS không giống như cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước của các nước trên thế giới dẫn đến còn có nhiều khó khăn trong hoạt động hợp tác tương trợ tư pháp, và thực tế trong nước vị trí của VKS cũng không nằm trong hệ thống cơ quan nào: lập pháp, hành pháp hay tư pháp dẫn đến một số hoạt động còn chòng chéo, một số mang tính hình thức như công tác kiểm sát án dân sự, hôn nhân gia đình,...

- Việc thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp đã góp phần tích cực vào việc hạn chế các vi phạm pháp luật của các cơ quan tư pháp, hạn chế oan sai, bỏ lọt người phạm tội; góp phần bảo vệ quyền tự do dân chủ, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên các quyết định của VKS trong hoạt động kiểm sát hoạt động tư pháp chủ yếu dừng lại ở việc kiến nghị mà không có tác động trực tiếp nhằm ngăn chặn ngay vi phạm của các cơ quan tư pháp, dẫn đến việc khắc phục các vi phạm trong hoạt động tư pháp mang tính tùy nghi, không có chế tài.

- Việc bố trí biên chế chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ được giao ở các cấp, bởi vì kể từ khi cấp huyện được tăng thẩm quyền xét xử theo Nghị quyết 523/2004/UBTVQH ngày 29/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về việc tăng thẩm quyền xét xử quy định tại Khoản 1 Điều 170 Bộ luật TTHS (Tòa án cấp huyện có thẩm quyền xét xử các tội phạm có khung hình phạt đến 15 năm tù) thì lượng án thuộc thẩm quyền cấp huyện ngày càng gia tăng (hiện nay hàng năm thụ lý mới khoảng trên 160 vụ án hình sự và khoảng trên 800 vụ án dân sự...), tuy nhiên biên chế của VKS cấp huyện tăng không đáng kể (từ 12 biên chế và 01 Hợp đồng, nhưng đến nay cũng chỉ tăng thêm 03 biên chế và 01 Hợp đồng).

- Là cơ quan kiểm tra, giám sát nhưng vai trò và vị thế chính trị của lãnh đạo ngành tại địa phương chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ được giao; trong khi lãnh đạo đơn vị bị kiểm tra, giám sát có vị trí chính trị là lãnh đạo tại địa phương, thậm chí được giao phụ trách, nhận xét, đánh giá cán bộ hàng năm đối với ban lãnh đạo và hoạt động của ngành kiểm sát, dẫn đến hoạt động kiểm sát còn nể nang, không triệt để.

- Cơ sở vật chất, kỹ thuật chưa được trang bị nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác và còn phải phụ thuộc phương tiện của cơ quan điều tra trong nhiều vụ việc như khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra,...

*Thứ ba*, Năng lực, trình độ của cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên chưa đáp ứng yêu cầu chức năng, nhiệm vụ được giao

- Không ít cán bộ, Kiểm sát viên chưa nhận thức đầy đủ, đúng đắn vai trò, vị trí, thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Cơ quan điều tra; một số cán bộ, kiểm sát viên chưa thực hiện nhiệm vụ với tinh thần cao; thẩm quyền và vai trò của kiểm sát viên còn hạn chế; chức danh Kiểm tra viên không có thẩm quyền gì trong giải quyết chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của một số cán bộ, Kiểm sát viên còn có những hạn chế nhất định, một số đào tạo chưa chính quy, đầy đủ;

một số thiếu bản lĩnh, còn cả nể trong công tác; một số bị mua chuộc, vấp ngã trước lợi ích vật chất...

*Thứ tư*, Một số hạn chế khác

- Việc quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo đôi lúc chưa sâu sát, còn cả nể trong quan hệ phối hợp, dẫn đến còn một số trường hợp gia hạn tạm giữ sai như trong trường hợp đối với bị can Đỗ Thị Khánh Toàn, bị bắt truy nã.

- Giữa VKS và Cơ quan điều tra đã có sự phối hợp nhưng chưa chặt chẽ, mặc dù có nhiều trường hợp Cơ quan điều tra có văn bản đề nghị phê chuẩn gia hạn tạm giữ, phê chuẩn lệnh tạm giam, nhưng qua trao đổi nghiệp vụ không đủ căn cứ nên Cơ quan điều tra đã rút lại công văn đề nghị. Tuy nhiên vẫn còn trường hợp VKS phải ra quyết định không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, hủy bỏ lệnh tạm giữ, tạm giam của Cơ quan điều tra.

- Việc thực hiện các kiến nghị, kháng nghị của VKS đối với vi phạm của Cơ quan điều tra trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự chưa được quan tâm thực hiện, thậm chí không thực hiện dẫn đến vi phạm kéo dài nhưng không có chế tài cụ thể.

- Công tác phối hợp với chính quyền địa phương trong phổ biến, giáo dục pháp luật về pháp luật TTHS nói chung và về các biện pháp ngăn chặn trong TTHS nói riêng chưa có hiệu quả, chưa được sự quan tâm của chính quyền địa phương hoặc tiếp nhận của quần chúng nhân dân trên địa bàn.

## **Kết luận chương 2**

Trong những năm qua, ngành KSND đã có nhiều cố gắng để nâng cao hiệu quả trong công tác này, hạn chế đến mức thấp nhất việc lạm dụng áp dụng các biện pháp ngăn chặn dẫn đến xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích chính đáng của công dân, góp phần rất lớn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm quyền tự do dân chủ của công dân, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy Đảng và Nhà nước đánh giá rất cao vai trò của Viện KSND trong công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự nói chung và trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng, điều đó thể hiện ở đường lối, chủ trương của Đảng được thể hiện và quy định cụ thể trong Hiến pháp, pháp luật TTHS và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Nhà nước.

Nghiên cứu cũng cho thấy, thực tiễn kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trên địa bàn thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước trong năm năm qua đã đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng được yêu cầu điều tra, hạn chế vi phạm pháp luật và bảo đảm phục vụ tốt yêu cầu chính trị của địa phương. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, qua nghiên cứu cũng cho thấy còn nhiều hạn chế, bất cập giữa lý luận và thực tiễn, còn bộc lộ những hạn chế trong quá trình áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên cũng một phần do các quy định của pháp luật chưa chặt chẽ, một phần do hạn chế của những người có chức danh tư pháp trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Vì vậy nghiên cứu đã làm rõ những hạn chế, bất cập trong áp dụng và kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, làm cơ sở cho việc đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

### **Chương 3**

## **CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ**

### **3.1. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự về các biện pháp ngăn chặn**

Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng áp dụng biện pháp ngăn chặn theo quy định của Bộ luật TTHS chưa thống nhất, hạn chế hiệu quả của công tác này đó là một số quy định của pháp luật tố tụng hình sự còn bất cập, vướng mắc như đã nêu ở phần trên, nhưng chưa được hướng dẫn cụ thể. Do đó việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật TTHS tiếp tục được đặt ra cho phù hợp với thực tiễn, mặc dù Bộ luật TTHS năm 2003 đã được sửa đổi, bổ sung và ban hành bằng Bộ luật TTHS năm 2015, trong đó đã khắc phục được một số hạn chế của các biện pháp ngăn chặn như đã nêu ở phần trên và có nhiều điểm mới như: quy định thêm một biện pháp ngăn chặn đó là tạm hoãn xuất cảnh, đổi tên biện pháp ngăn chặn bắt khẩn cấp thành giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bổ quy định đặt tài sản có giá trị để bảo đảm; bổ sung thêm trường hợp bắt người bị yêu cầu dẫn độ, quy định thêm thẩm quyền cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn; quy định việc áp dụng biện pháp bảo lãnh của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành,...tuy nhiên do còn nhiều sai sót khác nên đến nay đã tạm dừng để tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung. Vì vậy trong thời gian tới, cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định về các biện pháp ngăn chặn, cụ thể như:

- Về biện pháp bắt: Bộ luật TTHS năm 2015 đã có một loạt sửa đổi, bổ sung, tuy nhiên tại Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015, theo chúng tôi trước tình hình ngày càng có nhiều hành vi xâm phạm để lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng như hiện nay thấy cần bổ sung thêm thẩm quyền giữ người trong trường hợp khẩn cấp cho lực lượng kiểm lâm.

Việc quy định gửi ngay lệnh bắt người bị giữ cho VKS cùng cấp kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người để xét phê chuẩn hay trả tự do ngay

cho người bị bắt nếu VKS không phê chuẩn là chưa cụ thể, chưa rõ ràng bởi phải hiểu như thế nào về “Bảo ngay, gửi ngay, trả tự do ngay”, vì thực tế như đã nêu ở phần thực trạng bắt người thì thường Cơ quan điều tra sau khi tiến hành bắt khẩn cấp từ 01 đến 02 ngày sau khi đã ra lệnh tạm giữ mới gửi văn bản kèm theo hồ sơ, tài liệu đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn. Lúc này tài liệu xét phê chuẩn đã được bổ sung thêm lời khai và các tình tiết, chứng cứ khác đầy đủ hơn để xét phê chuẩn, tuy chứng cứ lúc này đầy đủ nhưng xét về các căn cứ để áp dụng biện pháp bắt khẩn cấp (giữ người trong trường hợp khẩn cấp) là không khách quan, bởi nếu không đủ căn cứ khi áp dụng giữ người lẽ ra không phê chuẩn và phải trả tự do ngay cho người bị giữ nếu có văn bản đề nghị liền ngay sau khi bị giữ, nhưng sau khi giữ một đến hai ngày qua lấy lời khai người bị giữ đã thừa nhận hành vi và có thể cung cấp thêm thông tin liên quan đến hành vi phạm tội thì không thể không phê chuẩn.

Vì vậy thấy cần phải quy định rõ thời hạn cụ thể người ra lệnh bắt người bị giữ phải gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người để xét phê chuẩn. Theo chúng tôi, Khoản 4 Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 cần sửa đổi: “.....*Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền kèm theo tài liệu có liên quan đến việc giữ người trong thời hạn 12 giờ để xét phê chuẩn.*”

Và Khoản 6 Điều 110 cần sửa: “...*Trường hợp VKS không phê chuẩn lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp thì người đã ra lệnh giữ người ...phải trả tự do cho người bị tạm giữ cùng thời điểm nhận được quyết định không phê chuẩn*”

- Về thời hạn tạm giữ: Việc quy định gia hạn tạm giữ nhưng không nêu cụ thể thời hạn gửi hồ sơ đề nghị gia hạn tạm giữ cho Viện kiểm sát phê chuẩn từ khi nào. Trong thực tế nhiều khi hết hạn tạm giữ, Cơ quan ra lệnh tạm giữ mới ra quyết định gia hạn tạm giữ gửi kèm hồ sơ đến Viện kiểm sát để xét phê chuẩn, nhưng lại quy định trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn, VKS phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết

định không phê chuẩn. Như vậy nếu trong thời gian này VKS không phê chuẩn quyết định gia hạn thì sẽ có khoảng thời gian người bị tạm giữ oan sai.

Vì vậy theo chúng tôi, cần bổ sung tại Khoản 2 Điều 118 Bộ luật TTHS 2015 như sau: “...trường hợp gia hạn tạm giữ, người có quyết định gia hạn phải gửi văn bản đề nghị kèm theo các tài liệu có liên quan đến Viện kiểm sát có thẩm quyền trước khi hết thời hạn tạm giữ 12 giờ để xét phê chuẩn”

### **3.2. Hoàn thiện tổ chức của Viện kiểm sát**

Hiến pháp năm 2013 đã dành 03 điều luật từ Điều 107 đến Điều 109 chương VIII quy định về ngành kiểm sát, nếu Hiến pháp năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001 quy định hệ thống VKS gồm: “Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân địa phương, các Viện kiểm sát Quân sự”. Quy định này nhằm xác định hệ thống VKS được tổ chức theo địa giới hành chính từ trung ương đến địa phương. Thì Hiến pháp 2013 quy định hệ thống Viện KSND gồm: “Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các Viện kiểm sát khác theo luật định”. Quy định này mở đường thực hiện chủ trương tổ chức lại hệ thống VKS tương ứng hệ thống TAND theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính.

So với Hiến pháp 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001 thì Hiến pháp 2013 quy định một cách đầy đủ và hoàn thiện nhiệm vụ của VKS “Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất”[31].

Cụ thể hóa Hiến pháp 2013, Luật tổ chức Viện KSND năm 2014 quy định được ban hành. Tuy nhiên, cũng cần bổ sung một số điểm như:

*Thứ nhất*, Hiến pháp và Luật tổ chức Viện KSND cũng không xác định VKS nằm trong hệ thống cơ quan nào trong Bộ máy Nhà nước: lập pháp, hành pháp hay tư pháp dẫn đến một số hoạt động còn chồng chéo, một số mang tính hình thức như công tác kiểm sát án dân sự, hôn nhân gia đình,... vì

vậy thấy cần quy định rõ VKS là cơ quan tư pháp nhưng thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động tư pháp của các cơ quan khác.

*Thứ hai*, Trong công tác KS việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn cần quy định các chế tài cụ thể đối với CQĐT, người có thẩm quyền trong CQĐT và các cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn trong việc không thực hiện các kiến nghị, kháng nghị của VKS đối với vi phạm trong lĩnh vực áp dụng biện pháp ngăn chặn.

*Thứ ba*, Cần tăng thêm biên chế cho toàn ngành kiểm sát, đặc biệt là VKSND cấp huyện, nhằm đảm bảo đủ nhân sự thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm sát được giao, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong thời gian tới.

*Thứ tư*, Nâng cao vai trò và vị thế chính trị của lãnh đạo ngành tại địa phương để hoạt động kiểm sát mang tính tích cực, độc lập và khách quan hơn.

*Thứ năm*, Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho ngành KS nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác độc lập, không lệ thuộc nhiều vào nguồn kinh phí trợ của địa phương.

*Thứ sáu*, Đối với nội bộ ngành kiểm sát phải thường xuyên ban hành các thông báo rút kinh nghiệm trong toàn quốc về những vi phạm thường gặp trong việc áp dụng và kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn nói chung và trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng để cán bộ, kiểm sát viên nghiên cứu, vận dụng vào thực tiễn, tránh sai sót tương tự xảy ra.

### **3.3. Nâng cao năng lực của cán bộ**

Nghị quyết 08-NQ/TW và Nghị quyết 49-/NQ/TW đều đặt ra mục tiêu “*xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh*”[09] nên đây là một trong những vấn đề cần giải quyết trong tiến trình cải cách tư pháp. Việc thực thi các quy định của pháp luật trên thực tế có đúng hay không phụ thuộc rất nhiều vào đội ngũ cán bộ tư pháp mà chủ yếu là những người có chức danh tư pháp trực tiếp tiến hành tố tụng, mà ở đây là đội ngũ ĐTV, KSV. Với đội ngũ này không chỉ nắm vững Các quy định của PL hình sự, pháp luật TTHS nói chung, các quy định về của pháp luật TTHS về các biện pháp ngăn



chặn nói riêng mà còn phải nâng cao phẩm chất chính trị, kiên quyết xử lý tội phạm.

Bên cạnh đó, lãnh đạo các CQĐT, VKS cần bố trí cán bộ, Kiểm sát viên phù hợp với năng lực, sở trường, có trách nhiệm trong công tác và bản lĩnh nghề nghiệp vì trong lĩnh vực này khởi đầu cho những oan sai đặc biệt nghiêm trọng nếu có đối với người đã bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong quá trình điều tra vụ án, nhất là đã bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn như bắt, tạm giữ, tạm giam.

Đồng thời lãnh đạo các ngành cũng cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sớm phát hiện và loại bỏ những tiêu cực có thể xảy ra trong quá trình áp dụng và xét phê chuẩn các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Thường xuyên bồi dưỡng phẩm chất chính trị, quan tâm công tác bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại kiến thức pháp luật, trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, kiểm tra viên, KSV nhằm đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp.

Tăng cường giám sát chặt chẽ công tác thi tuyển cán bộ vào ngành kiểm sát; nâng cao trách nhiệm của cán bộ, kiểm sát viên trong nghiên cứu và báo cáo, đề xuất về công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn; tăng thẩm quyền cho Kiểm tra viên, KSV và KSV giữ chức vụ lãnh đạo trưởng, phó các bộ phận nghiệp vụ trong việc phê chuẩn việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra.

### **3.4. Các giải pháp khác**

#### ***3.4.1. Tăng cường công tác phối hợp giữa VKS và Cơ quan điều tra***

Thường xuyên trao đổi thông tin nghiệp vụ giữa cán bộ, KSV của VKS với cán bộ, ĐTV được phân công điều tra, xác minh các vụ việc có dấu hiệu tội phạm cần áp dụng các biện pháp ngăn chặn; về phía lãnh đạo hai cơ quan phải tăng cường công tác phối hợp trên cơ sở báo cáo, đề xuất của cấp dưới; tránh sử dụng thông tin một chiều dẫn đến có thể bị oan, sai gây bất lợi cho người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn.

Hàng quý cần thực hiện nghiêm túc việc giao ban trong việc tổ chức thực hiện quy chế phối hợp liên ngành, trên cơ sở đó tổng kết, rút kinh nghiệm những vi phạm xảy ra trong hoạt động tố tụng nói chung và trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn nói riêng để tránh vi phạm tương tự xảy ra; đồng thời trên cơ sở đó bổ sung cho nội dung phối hợp trong quy chế ngày càng hoàn thiện hơn.

#### ***3.4.2. Tăng cường công tác trực tiếp kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam của Nhà tạm giữ thuộc Cơ quan Công an***

Đây là công tác thường xuyên đã được Viện KSND tối cao quán triệt và đưa vào hệ thống chỉ tiêu nghiệp vụ hàng năm của ngành, tuy nhiên trên thực tế việc trực tiếp kiểm sát mới chỉ dừng ở việc kiểm danh, kiểm diện và kiểm tra hình thức lập hồ sơ từng đối tượng bị bắt, mà chưa chú trọng đến các căn cứ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam. Hoạt động này của VKS không nằm trong công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn mà nằm trong công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự. Làm tốt công tác này cũng góp phần bổ sung, sửa sai cho công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra, bởi vì tại Điểm d Khoản 2 Điều 22 Luật tổ chức VKSND về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện KSND khi kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quy định “*Quyết định trả tự do ngay cho người bị tạm giữ, tạm giam không có căn cứ và trái pháp luật*”[34].

Bên cạnh đó cũng cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các khâu công tác kiểm sát với nhau sẽ góp phần hạn chế các vi phạm trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra; chẳng hạn như đã nêu ở phần trên, trong trường hợp CQĐT ra lệnh tạm giam nhưng không trừ đi thời hạn đã bị tạm giữ, gia hạn tạm giữ thì đến giai đoạn thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự, KSV phải phát hiện và đề nghị Hội đồng xét xử trừ đi thời hạn này trong trường hợp người bị tạm giữ bị tuyên phạm tội và bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù có thời hạn.

#### ***3.4.3. Tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật về pháp luật tố tụng hình sự trong lĩnh vực áp dụng các biện pháp ngăn chặn***

Giáo dục pháp luật để nhân dân có kiến thức hiểu biết về pháp luật TTTHS nói chung và về các biện pháp ngăn chặn trong TTTHS nói riêng, để từ đó có trách nhiệm tham gia đấu tranh, phòng ngừa và chống các hành vi vi phạm pháp luật, thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình trong đời sống xã hội; kịp thời trình báo các vụ, việc có dấu hiệu vi phạm đến cơ quan có chức năng giải quyết và nhất là góp phần kiểm tra, giám sát các hoạt động có liên quan đến việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Cơ quan điều tra.

### **Kết luận chương 3**

Thực hiện tốt công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, là một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm cho việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của cơ quan điều tra đúng với quy định của pháp luật, tránh được những xâm phạm nghiêm trọng đến quyền tự do và lợi ích chính đáng của công dân và những sai sót có thể dẫn đến làm oan người vô tội, đồng thời đáp ứng được yêu cầu chính trị của địa phương. Nghiên cứu cho thấy qua thực tiễn đã bộc lộ nhiều bất cập của pháp luật cũng như các quy định có liên quan đến trình tự, thủ tục, căn cứ và thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; những quy định còn bất cập về cơ chế, chính sách,...đối với ngành kiểm sát. Chính vì vậy, qua nghiên cứu đã đưa ra một số đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật làm căn cứ áp dụng và kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn; sửa đổi một số quy định có liên quan đến việc triển khai, áp dụng pháp luật TTHS và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

## KẾT LUẬN

Trong Bộ luật TTHS, việc áp các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự chỉ do Cơ quan điều tra thuộc lực lượng Công an, quân đội và một số cơ quan khác được giao thẩm quyền điều tra xác minh ban đầu được áp dụng, tuy nhiên đối với một số biện pháp ngăn chặn phải có sự phê chuẩn của VKS trước khi thi hành hoặc ngay sau khi thi hành. Đây là những hoạt động trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân. Vì vậy pháp luật TTHS quy định rất chặt chẽ khi áp dụng, đặc biệt là các biện pháp ngăn chặn như: bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người thực hiện hành vi có dấu hiệu của tội phạm. Đây cũng là những biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất trong số các biện pháp cưỡng chế được quy định trong Bộ luật TTHS. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định của Bộ luật TTHS về áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra có tác dụng rất lớn trong công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm và hiệu quả công tác của cơ quan điều tra.

Ngược lại, các vi phạm về việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự sẽ hạn chế đến công tác điều tra, đồng thời xâm hại đến quyền tự do dân chủ của công dân đã được Hiến định. Chính vì vậy việc áp dụng và kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự phải được thực hiện hết sức thận trọng, chặt chẽ, theo đúng các quy định của pháp luật TTHS, tránh làm oan người vô tội và cũng tránh bỏ lọt người phạm tội.

Một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm cho việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đúng với các quy định của pháp luật đó là tăng cường công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của CQĐT, đặc biệt là xét phê chuẩn các biện pháp ngăn chặn như: bắt, gia hạn tạm giữ, tạm giam, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm và BLHS năm 2015 bổ sung thêm biện pháp ngăn chặn là bảo lãnh cần có sự phê chuẩn của VKS trước khi thi hành. Ngoài ra việc Cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác cũng cần phải được kiểm sát chặt chẽ, kịp thời

phát hiện vi phạm để thực hiện các quyền kháng nghị, kiến nghị hay hủy bỏ các quyết định trái pháp luật của CQĐT, tránh để dẫn đến oan sai hay bỏ lọt người phạm tội.

Trong những năm qua, ngành kiểm sát nhân dân đã có nhiều cố gắng để nâng cao hiệu quả công tác trong lĩnh vực thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung và kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn nói riêng. Kết quả góp phần tích cực vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm quyền tự do dân chủ của công dân, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên bên cạnh đó, tình trạng vi phạm các quy định của pháp luật trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự vẫn còn. Tồn tại này có trách nhiệm của Viện kiểm sát, mà theo Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 21/3/2000 của Bộ chính trị đã chỉ rõ: *“Tăng cường trách nhiệm pháp lý của Viện kiểm sát nhân dân đối với công tác bắt, giam, giữ....sai sót trong việc bắt, giam, giữ ở địa phương nào thì trước hết Viện KSND ở địa phương đó phải chịu trách nhiệm”*[08].

Hay tại Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị cũng nhắc lại quan điểm nêu trên: *“Viện kiểm sát các cấp chịu trách nhiệm về những oan, sai trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam thuộc phạm vi, thẩm quyền phê chuẩn của mình”*[09].

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến vi phạm, song chủ yếu là yếu tố chủ quan, ý thức tuân thủ pháp luật của chính những cơ quan và người tiến hành tố tụng. Mặt khác, các quy định của pháp luật tố tụng hình sự và một số văn bản khác có liên quan đến việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn chưa được quy định chặt chẽ, hướng dẫn chưa được cụ thể, kịp thời và còn có nhiều bất cập trong áp dụng vào thực tiễn.

Xuất phát từ thực trạng tình hình áp dụng và kiểm sát việc áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, khóa luận đã đề cập đến một số khó khăn, vướng mắc và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của

hoạt động kiểm sát trong lĩnh vực trên. Tuy nhiên, do thời gian nghiên cứu để xây dựng đề tài có hạn nên nội dung đánh giá chưa sâu, chưa nêu hết được những thực trạng và khó khăn, vướng mắc chung trong phạm vi không gian rộng hơn. Chính vì vậy, với việc đưa ra đề tài của khóa luận, rất mong tiếp theo sẽ có nhiều khóa luận nghiên cứu nhằm làm rõ thêm về mặt lý luận, thực trạng và những giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa trong công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp (2006), *Kế hoạch số 05-KH/CCTP về thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị “về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” (giai đoạn 2006-2010)*, Hà Nội.
2. Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp (2007), *Kế hoạch số 06-KH/CCTP về sơ kết Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị “về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*, Hà Nội.
3. Nguyễn Hòa Bình(2016), *Những nội dung mới trong Bộ luật TTHS năm 2015*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Phạm Thanh Bình- Nguyễn Vạn Nguyên(1990), *Những điều cần biết về bắt người, tạm giữ, tạm giam đúng pháp luật*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
5. Bộ nội vụ(1977), *Từ điển nghiệp vụ phổ thông*, Viện nghiên cứu khoa học Công an, Hà Nội.
6. Lê Cẩm (2005), *"Bàn về tổ chức quyền tư pháp- nội dung cơ bản của chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020"*, Tạp chí Kiểm sát (số 23), Tr. 26.
7. Nguyễn Thị Kiều Diễm(2014), *Vai trò của VKS trong áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra, truy tố. Thực tiễn trên địa bàn Thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sỹ, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam(2000), Chỉ thị số 53-CT/TW của Bộ chính trị, về: *“Một số công việc cấp bách của các cơ quan tư pháp cần thực hiện trong năm 2000”* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5 của Bộ Chính trị “về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020”* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.



11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6 của Bộ Chính trị “về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (1995), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khoá VII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
19. Minh Đạo(2012), *Kiểm sát hoạt động tư pháp - Chức năng quan trọng của Viện kiểm sát nhân dân*, Tạp chí Kiểm sát (số 10), Tr.21.
20. Trần Văn Độ(2012), *Hoàn thiện các quy định của Bộ luật TTHS về biện pháp tạm giam*, Tạp chí Kiểm sát (số 21), Tr 37.
21. Trần Văn Độ(1999). *Một số vấn đề về Quyền công tố. Kỷ yếu đề tài cấp Bộ “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay” của Viện KSND tối cao*, Hà Nội.
22. Đỗ Văn Dương (2006), *"Cơ quan thực hành quyền công tố trong cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay"*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp(số 07), Tr 18.

23. Phạm Hồng Hải (2006), *"Đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống các cơ quan thực hiện chức năng thực hành quyền công tố đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp"*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật(số 03), Tr.16.
24. Lê Thị Tuyết Hoa (2002), *Quyền công tố ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật.
25. Học viện tư pháp(2014),*Giáo trình: Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự* NXB Lao động, Hà Nội.
26. Nguyễn Duy Lãm(2001), *Từ điển giải thích thuật ngữ pháp lý thông dụng*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
27. Bình Nguyên(1995), *Từ thực tiễn áp dụng những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự Việt Nam*, in trong kỷ yếu đề tài khoa học: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của Tố tụng hình sự Việt Nam* của Viện KSND tối cao, Hà Nội
28. Nguyễn Bá Phùng(2010), *Vai trò của Viện KSND trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong Luật TTHS Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.
29. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam(2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam(2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
31. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam(1946, 1959, 1980, 1992, 2013) *Hiến pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
32. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam(2014), *Luật tổ chức Quốc hội*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam(2003), *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

34. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1959, 1981, 2002, 2014), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Nxb Chính trị Quốc gia.
35. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam(2002), *Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
36. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam(2012), *Nghị quyết số 37/2012/QH13, Về công tác phòng chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện KSND, của TAND và công tác thi hành án năm 2013*, Hà Nội.
37. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam(2013), *Nghị quyết số 63/2013/QH13, Về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm*, Hà Nội.
38. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam(2015), *Nghị quyết số 96/2015/QH13, Về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động Tố tụng hình sự*, Hà nội.
39. Nguyễn Văn Sang(2008): *Nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc “bắt bị can để tạm giam” trong quá trình điều tra vụ án hình sự*, Tạp chí Kiểm sát(số 11), Tr. 21.
40. Trần Văn Sơn(2005), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, Nxb Tư Pháp.
41. Trần Quang Tiệp(2005), *Một số vấn đề lý luận về biện pháp ngăn chặn trong TTHS*, Tạp chí Kiểm sát(số 07), Tr 26.
42. Lê Hữu Thê(2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
43. Lê Hữu Thê(2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
44. Trường đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm sát tại Thành phố Hồ Chí Minh(2012), *Bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam*.

45. Trường đào tạo nghiệp vụ kiểm sát tại Thành phố Hồ Chí Minh(2016), *Giáo trình đào tạo nghiệp vụ kiểm sát*, tập 3.
46. Viện KSND thị xã Đồng Xoài(2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016) *Báo cáo thống kê công tác kiểm sát*.
47. Viện KSND tối cao(2015), *Các bài nói, bài viết của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước về Viện KSND*. Nxb Chính trị Quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
48. Viện KSND tối cao(2015), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác của Viện KSND qua 55 năm tổ chức và hoạt động*. Nxb Chính trị Quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
49. Viện KSND tối cao(2008), *Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự(ban hành kèm theo Quyết định số: 07/2008/QĐ-VKSTC ngày 02/01/2008 của Viện trưởng Viện KSND tối cao)*, Hà Nội
50. Viện KSND tối cao(2013), *Quy chế công tác tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù(ban hành kèm theo Quyết định số: 35/2013/QĐ-VKSTC ngày 29/01/2013 của Viện trưởng Viện KSND tối cao)*.
51. Viện KSND tối cao(2011), *Tài liệu tập huấn: Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp*.
52. Viện KSND tối cao(2013), *Tài liệu tập huấn về công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam*, Hà Nội.
53. Viện KSND tối cao(2015), *Tổng kết một số lý luận và thực tiễn về công tác của Viện KSND qua 55 năm tổ chức và hoạt động*, Nxb Chính trị Quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
54. Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật(1994), *Tội phạm học, Luật hình sự và Tổ tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
55. Nguyễn Tất Viễn(2003), *Hoạt động tư pháp và kiểm sát các hoạt động tư pháp- Kỷ yếu đề tài cấp Bộ: “ Những giải pháp nâng cao Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp”*, của Học viện Tư pháp, Hà Nội.
56. Võ Khánh Vinh(2004), *Bình luận khoa học Bộ luật TTHS*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.

57. Võ Khánh Vinh(2008), *Giáo trình luật TTHS Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

58. Võ Khánh Vinh(2003), *Về quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân ở nước ta*. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (số 8), Tr.3.

59. Phạm Ngọc Vỹ(2002), *Công tác kiểm sát bắt, tạm giữ, tạm giam trong TTHS. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Khóa luận tốt nghiệp, lớp chuyên tu khóa I, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.